



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Đồng Tháp, tháng 04 năm 2026



MỤC LỤC

Vì cuộc sống cộng đồng

CHƯƠNG 1: THÔNG TIN CHUNG

- 06 Thông tin khái quát
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 14 Cơ cấu bộ máy quản lý
- 15 Thông tin về mô hình quản trị
- 16 Định hướng phát triển
- 18 Các yếu tố rủi ro

CHƯƠNG 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 26 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 30 Tổ chức và nhân sự
- 35 Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- 38 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 40 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

CHƯƠNG 3: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 44 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- 48 Tình hình tài chính
- 50 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 51 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 51 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

- 52 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

CHƯƠNG 4: BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 56 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
- 56 Đánh giá về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 57 Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

CHƯƠNG 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 60 Hội đồng quản trị
- 68 Ban kiểm soát
- 72 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

CHƯƠNG 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 74 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 77 Ý kiến kiểm toán
- 79 Báo cáo tài chính được kiểm toán

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BKS	Ban kiểm soát
CBNV	Cán bộ nhân viên
DWS	Công ty Cổ phần Cấp nước & Môi trường Đô thị Đồng Tháp
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
GDP	Tổng sản phẩm trong nước
HĐQT	Hội đồng quản trị
NLĐ	Người lao động
SXKD	Sản xuất kinh doanh
UBND	Ủy ban nhân dân



THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các yếu tố rủi ro



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP



Vì môi trường và cộng đồng



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
- Tên tiếng anh: DONG THAP WATER SUPPLY & URBAN ENVIRONMENT JOINT - STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: DWS
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 18/07/2025.



Vốn điều lệ

259.181.300.000

VNĐ

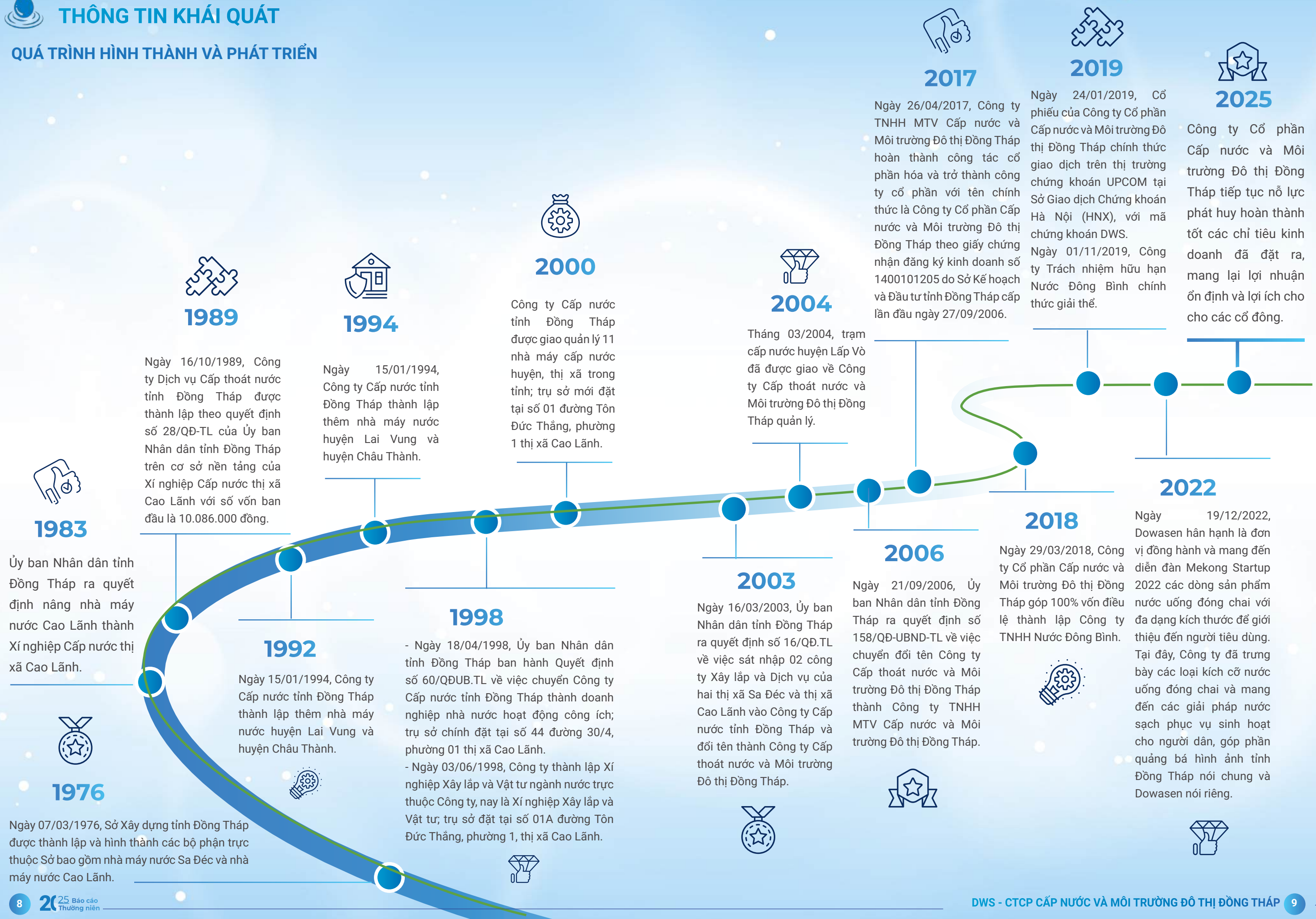
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 386.309.343.290 đồng
- Địa chỉ: Số 01, đường Tôn Đức Thắng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Số điện thoại: (0277) 3853 332
- Số Fax: (0277) 3852 825
- Website: www.dowasen.com
- Email: capnuocdt@dowasen.com
- Mã cổ phiếu: DWS
- Sàn giao dịch: UPCoM





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Ngày 27/05/2019



CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC

Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển, Dowasen đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận như sau:



» 01 Huân chương Lao động hạng Nhất
» 01 Huân chương Lao động hạng Nhì
» 01 Huân chương Lao động hạng Ba



» 01 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ



» 01 cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ cho Công ty



» 02 Huân chương Lao động hạng Nhì và 05 Huân chương Lao động hạng Ba cho cá nhân.



» Nhiều bằng khen, giấy khen, huy chương kỷ niệm chương,... cho tập thể, cá nhân của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương.



Lĩnh vực kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh



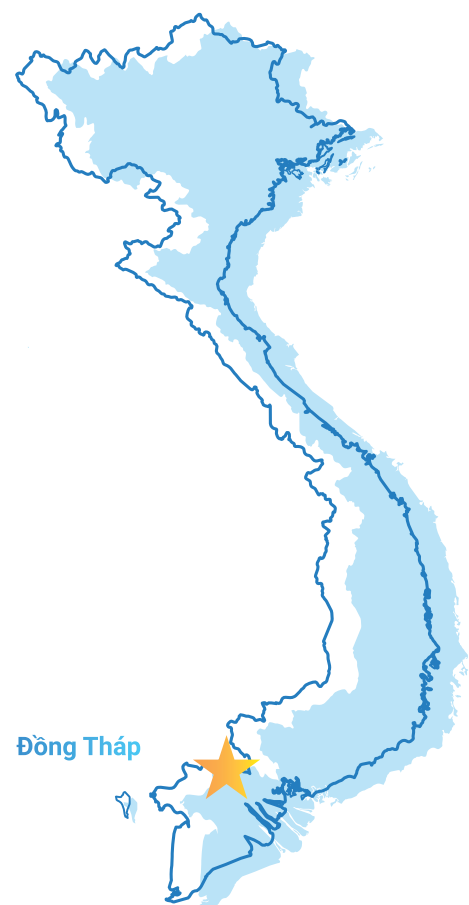
Hoạt động kinh doanh

- » Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
- » Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- » Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- » Bán buôn đồ uống
- » Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- » Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
- » Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
- » Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao
- » Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- » Dịch vụ khác

Hoạt động môi trường

- » Thu gom rác thải độc hại/ không độc hại
- » Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại/ không độc hại
- » Xây dựng nhà để ở/ không để ở
- » Xây dựng công trình đường bộ
- » Xây dựng công trình cấp, thoát nước
- » Xây dựng công trình công ích khác
- » Xây dựng công trình thủy
- » Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
- » Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- » Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ
- » Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
- » Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm
- » Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm
- » Vệ sinh chung nhà cửa
- » Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt
- » Thoát nước và xử lý nước thải

Địa bàn kinh doanh



Dowasen không chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch mà còn cung cấp các dịch vụ môi trường tập trung chủ yếu cho khách hàng trong tỉnh Đồng Tháp

Chi nhánh trực thuộc



CHI NHÁNH CẤP NƯỚC NAM SÔNG TIỀN

- Số 207B, Trần Hưng Đạo, Phường Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
- ☎ (0277) 3861 814
- ✉ (0277) 3865 366



CHI NHÁNH CẤP NƯỚC ĐÔNG BẮC SÔNG TIỀN

- Số 01, đường Nguyễn Huệ, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- ☎ (0277) 3852 826
- ✉ (0277) 3852 826



CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TÂY BẮC SÔNG TIỀN

- Quốc lộ 30, An Bình, Tỉnh Đồng Tháp
- ☎ (0277) 3837 319



CHI NHÁNH NƯỚC ĐÓNG CHAI DOWASEN

- Số 01, đường Tôn Đức Thắng, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- ☎ (0277) 3538 999
- ✉ (0277) 3538 789



CHI NHÁNH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

- Số 15/4, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp.
- ☎ (0277) 2211 427
- ✉ (0277) 3851 983



CHI NHÁNH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG - PDV SỐ 2

- Kế số nhà 151, đường Trần Hưng Đạo, khóm 1, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
- ☎ (0277) 2241 622
- ✉ (0277) 3764 366

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT Không có



ĐỊNH HƯỚNG VÀ PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

01

Phát triển DOWASEN thành doanh nghiệp trọng tâm của Tỉnh trong lĩnh vực cấp nước và môi trường

Chú trọng bảo toàn và phát triển hiệu quả 85,6% phần vốn nhà nước tại Công ty.



02

03



Đẩy mạnh hiện đại hóa công nghệ xử lý nước mặt, nâng cao chất lượng dịch vụ hướng tới phát triển bền vững, thân thiện với môi trường và hoàn thành lộ trình giảm khai thác nước ngầm.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Quản trị doanh nghiệp minh bạch, tuân thủ nghiêm túc các quy định của Luật số 68/2025/QH15 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
- Triển khai thực hiện các dự án đầu tư nhà máy nước mặt quy mô lớn tập trung; đẩy nhanh tiến độ thay thế đường ống cũ.
- Quan tâm hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin để kết hợp trong công tác phòng chống thất thoát nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước theo quy định.
- Tích cực chỉ đạo việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, số hóa trong công tác chăm sóc khách hàng, quản lý sản xuất, xử lý công việc (thường xuyên nâng cấp, bổ sung tính năng trên các hệ thống: CRM, DOWASCARE, Caresoft, DOWAMETER, DOWASCADA, DweOffice, DOWASEN trên các nền tảng của điện thoại thông minh...) đảm bảo chất lượng cung cấp nước sạch; nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Triển khai thí điểm GIS để quản lý mạng lưới cấp nước thuộc xã Mỹ Trà và phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh (nay là phường Mỹ Trà). Triển khai thí điểm máy ép bùn hoặc hệ thống tháp trung hòa clo tại một số Nhà máy lớn nhằm nâng cao hiệu quả xử lý nước thải và tối ưu hóa quy trình vận hành trong công tác sản xuất nước.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, đoàn kết, có năng lực, năng động, sáng tạo trong công việc. Tổ chức kế hoạch tuyển dụng hợp lý và đào tạo, đặc biệt là công tác đào tạo nội bộ, nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả công việc và bổ sung kịp thời theo yêu cầu, nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm.
- Chỉ đạo thực hiện việc thường xuyên liên hệ làm việc với các địa phương cấp xã, phường (sau khi triển khai chính quyền địa phương 02 cấp) để có kế hoạch đăng ký tham gia đấu thầu, nhằm củng cố địa bàn cung cấp dịch vụ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt tại các địa phương trong Tỉnh.
- Tiếp tục thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Tháp, phối hợp với sở, ngành, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện công tác xử lý tài chính các tài sản có liên quan đến các dự án được đầu tư bằng nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước theo quy định.



Các mục tiêu phát triển bền vững

Môi trường

1. Cam kết bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên hiệu quả trong chiến lược phát triển.
2. Tối ưu hóa sử dụng nước, giảm lãng phí và hạn chế tác động môi trường.
3. Cải tiến công nghệ nhằm tiết kiệm nguyên liệu, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.
4. Triển khai các giải pháp giảm thất thoát nước, hướng tới hệ thống cấp thoát nước bền vững.

Chương trình chính sách liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

1. Tập trung phát triển lĩnh vực cốt lõi và mở rộng ngành liên quan.
2. Đầu tư công nghệ hiện đại, đẩy mạnh chuyển đổi số trong vận hành.
3. Nâng cao hình ảnh doanh nghiệp gắn với trách nhiệm xã hội.
4. Hoàn thiện chính sách nhân sự, đào tạo và phúc lợi để thu hút và phát triển nguồn nhân lực.

Xã hội và Cộng đồng

1. Tinh gọn bộ máy, tập trung vào lĩnh vực cốt lõi như cấp nước và vệ sinh môi trường
2. Mở rộng hợp tác, nâng cấp hạ tầng và quy trình để nâng cao chất lượng dịch vụ.
3. Phát triển đội ngũ nhân sự năng động, sáng tạo, nâng cao hiệu quả làm việc.
4. Mở rộng phạm vi dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải, tạo giá trị bền vững cho cộng đồng.





CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp với nhiều rủi ro như cạnh tranh chiến lược, xung đột địa chính trị và xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng, gây tác động đến các nền kinh tế phụ thuộc vào xuất khẩu và đầu tư nước ngoài như Việt Nam.

Trong nước, GDP ước tăng 8,02%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,82%, đóng góp 0,60 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung; chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) của ngành tăng 7,8%, đóng góp khoảng 0,1 điểm phần trăm. Tuy nhiên, chi phí đầu vào như điện, nguyên vật liệu và vận hành tiếp tục gia tăng, tạo áp lực lên chi phí sản xuất và biên lợi nhuận.

Tại Đồng Tháp, nhu cầu đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý nước thải còn lớn nhưng gặp hạn chế về ngân sách, trong khi việc đấu nối và xử lý nước thải chưa đồng bộ, tiềm ẩn rủi ro môi trường và ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành toàn ngành.

Đối với Công ty, dù hoạt động trong lĩnh vực thiết yếu, nhu cầu sử dụng nước vẫn chịu tác động gián tiếp từ tình hình kinh tế, đặc biệt tại khu vực công nghiệp – nhóm khách hàng chiếm tỷ trọng doanh thu đáng kể.

Trước bối cảnh đó, Công ty tiếp tục tăng cường quản trị, kiểm soát chi phí, tối ưu vận hành và chủ động theo dõi diễn biến kinh tế nhằm hạn chế rủi ro, đảm bảo hoạt động ổn định và phát triển bền vững.



Rủi ro pháp luật

DOWASEN là một công ty đại chúng, được đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, do đó, hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty phải tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, cùng nhiều văn bản luật chuyên ngành khác. Đặc biệt, các quy định liên quan đến tài nguyên nước và bảo vệ môi trường đặt ra yêu cầu cao trong quản lý, khai thác và sử dụng nước, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai dự án. Những yêu cầu này đặt ra không ít thách thức nhất định, nhất là kế hoạch thiết lập quỹ đất để xây dựng nhà máy nước mặt thay thế dần nguồn nước ngầm theo định hướng phát triển bền vững.

Bên cạnh các quy định pháp lý, chính sách ưu đãi từ Nhà nước và địa phương tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời khuyến khích áp dụng các giải pháp thân thiện với môi trường. Trên cơ sở đó, Công ty luôn chú trọng sử dụng tài nguyên nước hiệu quả, đảm bảo khai thác bền vững và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật nhằm hướng đến sự phát triển ổn định và lâu dài.



Rủi ro về nguyên liệu đầu vào

Là doanh nghiệp khai thác và cung cấp nước, DOWASEN chịu áp lực từ biến động giá vật tư xử lý nước, chi phí điện, vận chuyển và bảo quản, làm gia tăng chi phí sản xuất. Bên cạnh đó, ô nhiễm nguồn nước có thể làm tăng chi phí xử lý và ảnh hưởng đến chất lượng đầu ra, gây áp lực lên hoạt động vận hành. Trước bối cảnh này, Công ty đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, tối ưu quy trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả khai thác và đảm bảo chất lượng nước, hướng đến hoạt động ổn định và lâu dài.



Rủi ro môi trường

Tại Đồng Tháp, nguồn nước đang chịu áp lực lớn từ ô nhiễm do hoạt động nông nghiệp (hóa chất, nuôi trồng thủy sản) và nước thải chưa xử lý từ khu công nghiệp, làm suy giảm chất lượng nước mặt và gia tăng chi phí xử lý.

Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp với các hiện tượng như hạn hán, xâm nhập mặn và sạt lở sông Tiền, sông Hậu, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng khai thác và cung cấp nước sạch. Những yếu tố này làm gia tăng rủi ro vận hành, gây áp lực lên hệ thống cấp nước và hạ tầng thủy lợi.

Trước bối cảnh đó, Công ty chủ động triển khai các giải pháp ứng phó như xây dựng kịch bản phòng chống thiên tai, kiểm soát xâm nhập mặn và nâng cấp hệ thống thủy lợi. Đồng thời, tăng cường giám sát chất lượng nguồn nước và tối ưu quy trình xử lý nhằm đảm bảo cung cấp nước ổn định, hướng đến phát triển bền vững, cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ tài nguyên nước.



Rủi ro thất thoát nước

Thất thoát nước là rủi ro đặc thù trong ngành cấp nước, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả vận hành và kết quả kinh doanh của Công ty. Tình trạng này làm gia tăng chi phí, giảm sản lượng thương phẩm và ảnh hưởng đến khả năng cung cấp nước ổn định.

Nguyên nhân chủ yếu đến từ hệ thống cấp nước xuống cấp, rò rỉ đường ống, hư hỏng thiết bị, đồng hồ đo nước, đặc biệt tại khu vực nông thôn; đồng thời, hạn chế về nhân lực và công nghệ giám sát cũng gây khó khăn trong việc kiểm soát thất thoát.

Trước thực tế này, Công ty triển khai các giải pháp như duy tu, nâng cấp mạng lưới, thay thế thiết bị đo lường và ứng dụng công nghệ giám sát rò rỉ nhằm giảm tỷ lệ thất thoát. Đồng thời, tăng cường quản lý và tối ưu vận hành để nâng cao hiệu quả sử dụng nước, góp phần mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng và hệ sinh thái.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đặc thù, Công ty còn đối mặt với rủi ro bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt, hạn hán và dịch bệnh, có thể gây gián đoạn cung cấp nước và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu tác động, Công ty chủ động kiểm tra, bảo trì hệ thống, đồng thời mua bảo hiểm tài sản nhằm đảm bảo hoạt động ổn định. Bên cạnh đó, rủi ro về nguồn nhân lực cũng được chú trọng kiểm soát thông qua việc xây dựng môi trường làm việc an toàn, triển khai đào tạo và chính sách phúc lợi phù hợp, góp phần giúp Công ty duy trì sự ổn định và phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP



Vì nước sạch và môi trường



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2025

Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

ĐVT: Triệu đồng

Doanh thu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%Tăng/Giảm
Doanh thu bán hàng hóa	3.103	0,63%	2.942	0,62%	(161)	(5,19%)
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	362.491	74,13%	345.399	72,54%	(17.092)	(4,72%)
Doanh thu nước đóng chai	13.041	2,67%	11.738	2,47%	(1.303)	(9,99%)
Doanh thu xây lắp	16.536	3,38%	7.739	1,63%	(8.797)	(53,20%)
Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác	84.806	17,34%	99.782	20,96%	14.976	17,66%
Doanh thu dịch vụ khác	9.014	1,84%	8.572	1,80%	(442)	(4,90%)
Tổng cộng	488.991	100,00%	476.172	100,00%	(12.819)	(2,62%)

Kết thúc năm 2025, DOWASEN ghi nhận doanh thu giảm 2,62% so với năm 2024. Trong đó, mảng cung cấp nước sinh hoạt tiếp tục là nguồn thu chủ lực, chiếm 72,54% tổng doanh thu nhưng giảm 4,72% (tương đương giảm 17.092 triệu đồng).

Ngược lại, doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác chiếm 20,96% tổng doanh thu và ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất, tăng 17,66% (tương đương tăng 14.976 triệu đồng). Kết quả này đến từ việc mở rộng địa bàn phục vụ và gia tăng số lượng khách hàng, tăng 19% so với năm 2024, trong đó có tác động từ việc điều chỉnh địa giới hành chính và tiếp nhận thêm khu vực mới.

Trong khi đó, doanh thu nước đóng chai giảm 9,99%, đạt 1.303 triệu đồng, chủ yếu do sự thay đổi địa giới hành chính và quá trình sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính, dẫn đến biến động về tệp khách hàng (giảm 179 đơn vị tại địa bàn cũ), dù đã phát triển thêm 107 khách hàng mới.

Nhìn chung, biến động doanh thu trong năm phần nào chịu ảnh hưởng từ quá trình điều chỉnh địa giới hành chính và sắp xếp đơn vị, tuy nhiên cơ cấu doanh thu tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực với sự tăng trưởng của mảng dịch vụ môi trường, góp phần duy trì ổn định hoạt động kinh doanh.

Cơ cấu chi phí sản xuất và kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

Chi phí	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%Tăng/Giảm
Chi phí nhân công	163.468	39,79%	183.506	44,18%	20.038	12,26%
Chi phí nguyên vật liệu	112.591	27,41%	102.805	24,75%	(9.786)	(8,69%)
Chi phí công cụ dụng cụ	6.959	1,69%	6.651	1,60%	(308)	(4,43%)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.333	14,93%	59.753	14,38%	(1.580)	(2,58%)
Thuế, phí và lệ phí	971	0,24%	960	0,23%	(11)	(1,17%)
Hoàn nhập/bổ sung chi phí dự phòng	3.024	0,74%	1.322	0,32%	(1.702)	(56,28%)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.588	2,82%	13.472	3,24%	1.884	16,26%
Chi phí bằng tiền khác	50.887	12,39%	46.930	11,30%	(3.957)	(7,78%)
Tổng cộng	410.822	100,00%	415.399	100,00%	4.577	1,11%

Tổng chi phí năm 2025 đạt 415.399 triệu đồng, tăng nhẹ 1,11% so với năm 2024, cho thấy Công ty vẫn kiểm soát chi phí tương đối ổn định. Trong đó, chi phí nhân công tăng 12,26%, chiếm 44,18% tổng chi phí và là yếu tố chính làm tổng chi phí tăng, phản ánh áp lực về lao động và duy trì hoạt động. Ngược lại, các khoản chi phí như nguyên vật liệu (-8,69%), khấu hao (-2,58%) và chi phí khác (-7,78%) đều giảm, thể hiện hiệu quả trong công tác quản lý và tối ưu chi phí sản xuất.

Tuy nhiên, Công ty vẫn chịu tác động từ các yếu tố khách quan như biến đổi khí hậu và ô nhiễm nguồn nước, làm gia tăng chi phí xử lý. Đồng thời, hệ thống đường ống xuống cấp và ảnh hưởng từ hoạt động đầu tư hạ tầng, chỉnh trang đô thị làm tăng nguy cơ rò rỉ, thất thoát nước và chi phí vận hành.

Nhìn chung, dù chi phí có biến động, các khoản mục chính vẫn được kiểm soát hợp lý, góp phần duy trì hiệu quả hoạt động.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2025

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	%TH 2025/ TH 2024	% TH 2025/ KH 2025
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	492,75	532,20	482,14	97,85%	90,59%
2	Tổng chi phí	437,34	474,49	424,10	96,97%	89,38%
3	Lợi nhuận trước thuế	55,41	57,71	58,04	104,75%	100,57%
4	Lợi nhuận sau thuế	49,44	51,21	51,22	103,60%	100,02%
5	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	6,50%	6,60%	6,80%	104,62%	103,03%

Lợi nhuận sau thuế

51,22 TỶ ĐỒNG

tăng 3,6%

so với năm 2024

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức

6,80%

tăng 4,6%

so với năm 2024

Năm 2025, trong lĩnh vực cấp nước, Công ty tiếp tục mở rộng khách hàng, bao gồm cả việc tiếp nhận từ các trạm nước nông thôn, qua đó nâng tổng số khách hàng lên 237.702 hộ. Sản lượng nước tiêu thụ đạt 42,82 triệu m³, tương đương 86,61% kế hoạch và giảm 6,36% so với năm 2024; doanh thu nước sinh hoạt đạt 345,4 tỷ đồng, bằng 88,14% kế hoạch và giảm 4,71% so với cùng kỳ. Công tác phòng chống thất thoát được duy trì thường xuyên, nhiều sự cố rò rỉ được phát hiện và xử lý kịp thời, tuy nhiên tỷ lệ thất thoát vẫn còn ở mức đáng lưu ý. Hoạt động vận hành được đảm bảo ổn định, duy trì áp lực cấp nước phù hợp và phát huy hiệu quả các nhà máy.

Ở lĩnh vực thu gom và xử lý rác thải, Công ty ghi nhận tăng trưởng tích cực nhờ mở rộng địa bàn và phát triển thêm khách hàng. Khối lượng thu gom duy trì ổn định, doanh thu tăng trưởng tốt so với cùng kỳ. Đồng thời, Công ty tiếp tục triển khai hiệu quả các gói thầu dịch vụ và đa dạng các hoạt động vệ sinh môi trường như thu gom, vận chuyển rác, quét dọn, chăm sóc cây xanh và phục vụ các sự kiện trên địa bàn.





DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày: 26/9/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng nắm giữ (cổ phần)		Tỷ lệ sở hữu (%)
			Đại diện	Cá nhân	
1	Ông Đinh Công Phú	Tổng Giám đốc	6.433.800	0	24,82%
2	Ông Bùi Tân Cường	Phó TGD	2.218.540	0	8,56%
3	Ông Hoàng Quốc Hưng	Kế toán trưởng	0	31.900	0,12%

GỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

01

ÔNG ĐINH CÔNG PHÚ

Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

- Năm sinh:** 1979
- Nơi sinh:** Đồng Tháp
- Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Xây dựng
- Quá trình công tác:**
 - Từ 3/2001 - 10/2009: Viên chức, Ban Quản lý Dự án Xây dựng huyện Tháp Mười
 - Từ 10/2009 - 3/2013: Phó Giám đốc Ban Quản lý Dự án Xây dựng huyện Tháp Mười
 - Từ 4/2013 - 7/2015: Phó Chủ tịch UBND Thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười
 - Từ 8/2015 - 11/2019: Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND Thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười
 - Từ 11/2019 - 08/2020: Bí thư Đảng ủy, Bí thư Chi bộ Quân sự, Chủ tịch UBND Thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười
 - Từ 9/2020 - 10/2021: Huyện ủy viên huyện Tháp Mười; Bí thư Đảng ủy, Bí thư Chi bộ Quân sự, Chủ tịch UBND Thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười
 - Từ 11/2021 - 4/2022: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Tháp Mười; Bí thư Đảng ủy, Bí thư Chi bộ Quân sự, Chủ tịch UBND Thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười
 - Từ 5/2022 - 8/2022: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Tháp Mười; Bí thư Đảng ủy, Bí thư Chi bộ Quân sự Thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười
 - Từ 9/2022 - 6/2023: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch huyện Tháp Mười
 - Từ 7/2023 - 7/2023: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Quyền Chủ tịch huyện Tháp Mười
 - Từ 8/2023 - 29/06/2024: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch huyện Tháp Mười
 - Từ 07/2024 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 6.433.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 24,82%

02

ÔNG BUI TAN CUONG

Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

- Năm sinh:** 1969
- Nơi sinh:**
- Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:**
 - Từ 11/1992 - 12/1999: Kế toán của Tài chính Tỉnh ủy Đồng Tháp
 - Từ 01/2000 - 06/2003: Kế toán của Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Tháp
 - Từ 07/2003 - 12/2004: Chuyên viên, Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Tháp
 - Từ 01/2005 - 12/2005: Phó Trưởng phòng Tài chính Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Tháp
 - Từ 01/2006 - 08/2010: Phó Chủ nhiệm Nhà khách tỉnh Đồng Tháp
 - Từ 09/2010 - 07/2014: Phó Trưởng phòng Tài chính Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Tháp
 - Từ 08/2014 - 08/2019: Trưởng phòng Tài chính Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Tháp
 - Từ 09/2019 - 29/6/2024: Phó Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp
 - Từ 07/2024 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 2.218.540 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8,56%

03

ÔNG HOANG QUOC HUNG

Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính

- Năm sinh:** 1970
- Nơi sinh:** Nam Định
- Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính - Ngân hàng
- Quá trình công tác:**
 - 10/1990 - 08/1996: Trung tâm Dịch vụ Du lịch Cao Lãnh
 - 09/1996 - 03/2003: CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp
 - 04/2003 - 12/2008: CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp
 - 01/2009 - 04/2019: CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp
 - 05/2019 - nay: CTCP Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 31.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,12%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2025

Không có

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ lao động	797	
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	262	33%
2	Trình độ Cao đẳng	59	7%
3	Trình độ trung cấp	81	10%
4	Công nhân kỹ thuật	99	12%
5	Lao động phổ thông	296	37%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	797	
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	0%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	92	12%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	705	88%
C	Theo giới tính	797	
1	Nam	627	79%
2	Nữ	170	21%
Tổng cộng		797	

THU NHẬP BÌNH QUÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUA CÁC NĂM

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Kế hoạch năm 2026
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	13,9	15,2	16,39	16,4	16,5
Tổng số lượng người lao động bình quân (người)	767	791	788	794	814



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ CÔNG TÁC NHÂN SỰ

Tiếp tục tổ chức triển khai các đợt điều động, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, từng bước nâng cao nguồn nhân lực của Công ty và kiện toàn nhân sự quản lý tại Công ty trong tình hình mới.

Văn hóa doanh nghiệp DOWASEN tiếp tục được thúc đẩy để tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích sự sáng tạo và cống hiến của nhân viên.

Công tác tuyển dụng sẽ được thực hiện chặt chẽ, công bằng, minh bạch và công khai, đảm bảo thu hút nhân sự có chuyên môn cao, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về năng lực phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC

Công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu toàn diện theo hướng tinh gọn, đảm bảo tổ chức bộ máy nhân sự vận hành hiệu quả và linh hoạt hơn. Quá trình này bao gồm việc xem xét kỹ lưỡng cơ cấu tổ chức, đánh giá lại các hoạt động kinh doanh của Công ty đối với từng sản phẩm và dịch vụ, từ đó tập trung đầu tư vào những lĩnh vực mang lại lợi nhuận cao, đồng thời cắt giảm các chi phí không mang lại hiệu quả. Trong năm 2025, thực hiện tinh thần chỉ đạo của UBND Tỉnh về việc đôn đốc rà soát, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy tại Công văn số 930/UBND-NCPC ngày 18/12/2024, DOWASEN đã từng bước thực hiện lộ trình tinh gọn tổ chức vừa đánh giá hiệu quả quản lý bộ máy sau khi tinh gọn, cụ thể như: (1) Từ ngày 01/3/2025, tiến hành sắp xếp lại tổ chức bộ máy cấp phòng chuyên môn, giảm từ 07 phòng còn 06 phòng, đạt tỷ lệ giảm 15% theo quy định; (2) Từ ngày 01/8/2025, triển khai sắp xếp, tinh gọn một số trạm cấp nước thuộc các chi nhánh cấp nước, đạt tỷ lệ giảm bình quân khoảng 22%.

Bộ máy điều hành của Công ty bao gồm Ban Tổng giám đốc, 06 phòng chuyên môn và 05 chi nhánh trực thuộc. Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số

người quản lý, ban điều hành và người lao động của Công ty là 797 người, trong đó có 705 lao động không xác định thời hạn và 92 lao động hợp đồng có thời hạn.

CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

Công ty chú trọng xây dựng chính sách phúc lợi toàn diện, đảm bảo quyền lợi người lao động theo quy định và phù hợp thực tế. Người lao động được hưởng các khoản phụ cấp như ăn trưa, xăng xe, điện thoại... nhằm hỗ trợ chi phí sinh hoạt và công việc.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN), đồng thời hỗ trợ thêm bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên và gia đình. Người lao động được hưởng chế độ nghỉ phép năm, nghỉ lễ theo quy định và được tạo điều kiện sử dụng linh hoạt.

Bên cạnh đó, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm nhằm đảm bảo sức khỏe và điều kiện làm việc cho người lao động.



CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

- Công ty tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo chuyên môn và kỹ năng nhằm nâng cao năng lực đội ngũ, hỗ trợ quá trình tái cấu trúc và cải thiện hiệu quả công việc. Các khóa tập huấn, hội thảo và đào tạo ngắn hạn về quản lý, chính sách, nghiệp vụ được tổ chức thường xuyên để cập nhật kiến thức và tăng khả năng thích ứng. Đồng thời, Công ty xây dựng kế hoạch phát triển năng lực, trang bị kỹ năng cần thiết cho nhân sự nhằm đảm bảo vận hành ổn định trong mọi tình huống.

CÔNG TÁC TIỀN LƯƠNG

- Công ty thực hiện chính sách tiền lương theo quy định của Nhà nước, đảm bảo công bằng, minh bạch và phù hợp với tình hình hoạt động. Quy chế lương, thưởng được xây dựng nhằm khuyến khích người lao động, đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định.
- Bên cạnh đó, Công ty áp dụng chính sách đãi ngộ cạnh tranh đối với nhân sự có năng lực nhằm thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao. Năm 2025, thu nhập bình quân đạt 16.401.000 đồng/người/tháng; mức lương tiếp tục được điều chỉnh theo năng suất và hiệu quả công việc, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời.
- Ngoài ra, chính sách khen thưởng được triển khai linh hoạt, góp phần tạo động lực làm việc, nâng cao hiệu quả và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và công bằng.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	TH 2025	TH 2025/ KH 2025
1	Vốn đầu tư phát triển của Công ty	Tỷ đồng	48,94	49,75	101,66%
2	Vốn vay	Tỷ đồng	99,01	98,20	99,18%
Tổng vốn đầu tư		Tỷ đồng	147,95	147,95	100,00%

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Nguồn vốn của Công ty chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực, nhiệm vụ chính đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, như: cấp nước, vệ sinh môi trường, sản xuất và kinh doanh nước đóng chai, đóng bình, ... Việc đầu tư ngoài ngành, lĩnh vực hoạt động chính của Công ty không đáng kể và không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Hiện nay, Công ty chỉ còn đầu tư mua cổ phần của Công ty cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường TP. HCM, với số tiền: 84.040.000 đồng (10.000 CP), hàng năm đều được chia cổ tức.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	1.065.046	1.071.160	0,57%
2	Doanh thu thuần	488.808	476.060	(2,61%)
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	57.406	54.653	(4,80%)
4	Lợi nhuận khác	(1.992)	3.387	269,99%
5	Lợi nhuận trước thuế	55.414	58.040	4,74%
6	Lợi nhuận sau thuế	49.435	51.215	3,60%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	2024	2025
----------	-----	------	------

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,56	1,36
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,34	1,10

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	0,65	0,64
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	1,88	1,77

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho	vòng	10,74	14,10
Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,46	0,45

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	10,11%	10,76%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	13,73%	13,55%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	4,63%	4,80%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần (LN HĐSXKD/ DTT)	%	11,74%	11,48%



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2025, các chỉ số thanh toán của Công ty đều giảm so với năm trước. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,56 xuống 1,36 lần (giảm 0,20 lần), hệ số thanh toán nhanh giảm từ 1,34 xuống 1,10 lần (giảm 0,24 lần). Nguyên nhân chủ yếu do các khoản phải thu ngắn hạn giảm mạnh (-43,23%) và hàng tồn kho tăng (+19,66%), làm suy giảm khả năng thanh khoản nhanh. Tuy nhiên, lượng tiền và tương đương tiền tăng mạnh (+34,65%) giúp bù đắp một phần và đảm bảo khả năng chi trả ngắn hạn.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm 2025, vòng quay hàng tồn kho tăng từ 10,74 vòng lên 14,10 vòng, cho thấy hiệu quả quản lý vật tư, hóa chất xử lý nước được cải thiện, góp phần tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Trong khi đó, vòng quay tổng tài sản giảm nhẹ từ 0,46 xuống 0,45 vòng. Nguyên nhân chủ yếu do tài sản dài hạn, đặc biệt là tài sản cố định và tài sản dở dang, tiếp tục gia tăng, phản ánh việc mở rộng đầu tư, qua đó ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng tài sản trong ngắn hạn.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Tính đến cuối thời điểm năm 2025, Cơ cấu nguồn vốn tiếp tục duy trì ổn định theo hướng giảm dần đòn bẩy tài chính. Tổng nợ phải trả giảm 1,51%, trong đó nợ dài hạn giảm 2,37% và các khoản vay tài chính đều giảm. Điều này cho thấy Công ty đang chủ động giảm phụ thuộc vào vốn vay, dù nợ ngắn hạn có tăng nhẹ do gia tăng các khoản phải trả người bán.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm 2025, mặc dù nền kinh tế còn nhiều biến động, Công ty vẫn duy trì được các chỉ tiêu sinh lời ở mức ổn định. Kết quả này đạt được nhờ đặc thù hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước và dịch vụ môi trường – các lĩnh vực thiết yếu, có nhu cầu tương đối ổn định. Đồng thời, Công ty đã thực hiện tốt việc kiểm soát nợ vay và cải thiện dòng tiền, góp phần nâng cao hiệu quả tài chính. Tuy nhiên, do quy mô tài sản tiếp tục gia tăng cùng với việc đẩy mạnh đầu tư, hiệu quả sinh lời trên tài sản và vốn có thể chịu áp lực trong trường hợp doanh thu chưa tăng tương ứng.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN



Tổng số cổ phiếu đã phát hành

25.918.130



Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

25.918.130



Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng

25.918.130



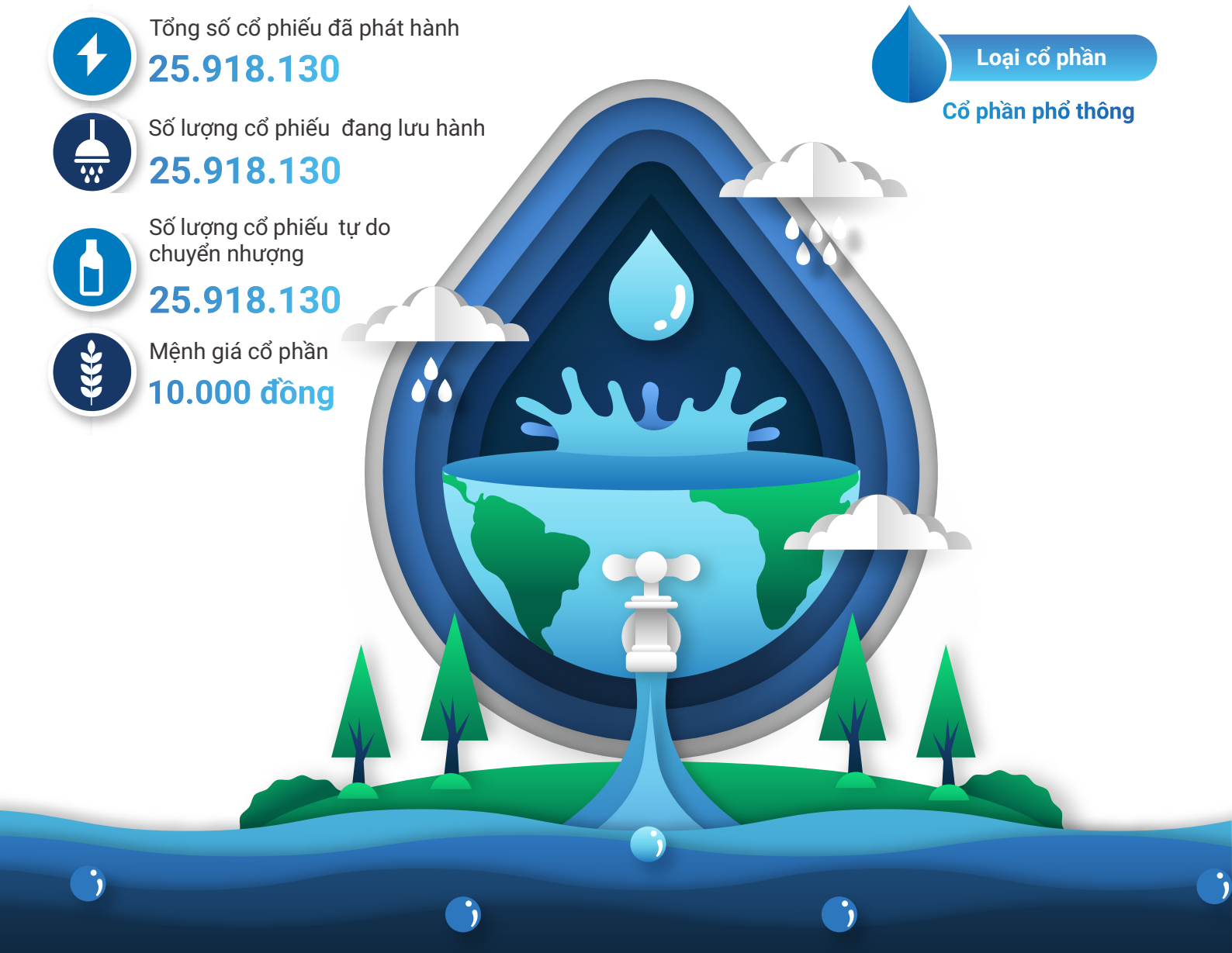
Mệnh giá cổ phần

10.000 đồng



Loại cổ phần

Cổ phần phổ thông



Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	UBND Tỉnh Đồng Tháp	Số 23, đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	22.185.480	85,60%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0% (tại ngày 24/03/2025)

Căn cứ công văn số 8269/UBCK-PTTT ngày 13/12/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Cấp Nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (DWS), tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa của DWS là 0%.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Theo danh sách cổ đông tại ngày 26/09/2025)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	1	22.185.480	221.855	85,60%
II	Cổ đông trong nước	545	25.918.130	259.181	100,00%
1	Cá nhân	541	432.650	4.327	1,67%
2	Tổ chức	4	25.485.480	254.855	98,33%
III	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0,00%
1	Cá nhân	0	0	0	0,00%
2	Tổ chức	0	0	0	0,00%
Tổng cộng		545	25.918.130	259.181	100,00%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Số vốn tăng/giảm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
1	26/04/2017	-	355.575.500.000		Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27/9/2006, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 26/04/2017.
2	30/06/2018	(96.394.197.809)	259.181.300.000	Điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hoá	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp thay đổi lần thứ 15 ngày 30/06/2018.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Để đảm bảo chất lượng nước đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT, Công ty áp dụng phương pháp khử trùng bằng Clo và các hợp chất liên quan, đồng thời duy trì hàm lượng Clo dư phù hợp nhằm ngăn ngừa ô nhiễm vi sinh trong quá trình phân phối.

Chi phí hóa chất xử lý nước chiếm tỷ trọng đáng kể trong chi phí nguyên vật liệu, do đó Công ty chú trọng tối ưu hóa quy trình sử dụng, xây dựng định mức hợp lý nhằm kiểm soát chi phí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng nước đầu ra. Việc quản lý chặt chẽ giúp hạn chế lãng phí, nâng cao hiệu quả vận hành.

Bên cạnh đó, Công ty ưu tiên lựa chọn các nhà cung cấp uy tín nhằm đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, góp phần duy trì ổn định hoạt động sản xuất và đáp ứng các yêu cầu về an toàn, môi trường.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nước không chỉ là nguyên liệu đầu vào mà còn là sản phẩm chính trong hoạt động sản xuất của Công ty. Do đó, việc tái sử dụng nguồn nước một cách hiệu quả đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Công ty áp dụng công nghệ tiên tiến kết hợp với hệ thống đường ống được thiết kế chuyên nghiệp, giúp tối ưu hóa việc sử dụng nước và giảm thiểu lãng phí trong quá trình sản xuất.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống để ngăn ngừa rò rỉ, hỏng hóc hay thất thoát nước do va đập. Việc kiểm soát chặt chẽ hệ thống cấp nước không chỉ giúp nâng cao hiệu quả vận hành mà còn góp phần giảm chi phí sản xuất, đảm bảo nguồn nước luôn được sử dụng một cách hợp lý và tiết kiệm. Điều này luôn được coi là giá trị cốt lõi, làm nền tảng cho hoạt động kinh doanh và sản xuất của Công ty.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty chủ yếu sử dụng điện năng để vận hành hệ thống xử lý nước, máy bơm, cung cấp điện chiếu sáng cho nhà máy và văn phòng. Việc quản lý và sử dụng điện hợp lý không chỉ giúp đảm bảo hoạt động sản xuất diễn ra ổn định mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc tối ưu hóa chi phí sản xuất và gia tăng hiệu quả kinh doanh.

Tiết kiệm năng lượng là một trong những mục tiêu trọng tâm mà Công ty luôn hướng tới nhằm giảm chi phí vận hành và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên. Do đó, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng sử dụng điện an toàn, hiệu quả và tiết kiệm cho nhân viên, từ đó góp phần tối ưu hóa hoạt động sản xuất và bảo vệ môi trường.

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng, áp dụng các công nghệ hiện đại vào hệ thống vận hành nhằm giảm thiểu lãng phí điện năng, hướng đến phát triển bền vững và đảm bảo lợi nhuận lâu dài.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

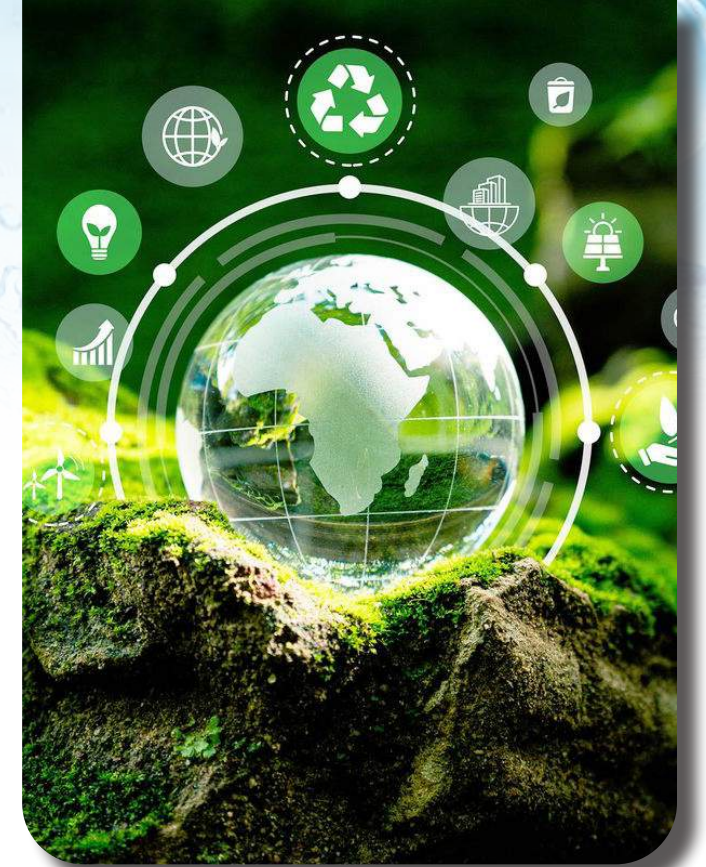
Công ty đã tiến hành đầu tư máy móc, công cụ vận chuyển và xử lý rác thải, đảm bảo tuân thủ các quy định môi trường và giảm thiểu tác động đến cộng đồng. Hệ thống che chắn kỹ lưỡng được thiết kế giúp kiểm soát ô nhiễm, hạn chế rò rỉ và đảm bảo quá trình vận hành an toàn.

Hàng năm, Công ty lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đảm bảo công nghệ sản xuất nước sạch đáp ứng tiêu chuẩn. Đồng thời, Công ty phối hợp chặt chẽ với các cơ quan giám sát môi trường để kiểm tra, đánh giá định kỳ, duy trì sự minh bạch trong vận hành.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty không chỉ tập trung vào hoạt động kinh doanh mà còn đề cao trách nhiệm xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng. Công ty thực hiện tiếp nhận và vận hành các trạm cấp nước theo yêu cầu của chính quyền địa phương, mở rộng phạm vi phục vụ và hỗ trợ giá nước cho hộ nghèo, cận nghèo, đảm bảo tiếp cận nước sạch cho mọi đối tượng.

Bên cạnh đó, Công ty phối hợp chặt chẽ với chính quyền tỉnh Đồng Tháp trong công tác phòng chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường và thực hiện các dự án cộng đồng. Đồng thời, Công ty còn tích cực tham gia, hỗ trợ các sự kiện văn hóa, lễ hội, thể thao góp phần nâng cao hình ảnh, uy tín và sự gắn kết với người dân và du khách, thể hiện vai trò doanh nghiệp trách nhiệm vì cộng đồng.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty thực hiện chính sách dân chủ, đặt sức khỏe và phúc lợi của nhân viên làm ưu tiên hàng đầu. Người lao động được trang bị bảo hộ lao động, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm sức khỏe và hưởng đầy đủ lương thưởng, phúc lợi, nghỉ phép theo quy định.

Công ty cam kết đối xử công bằng, thúc đẩy thi đua khen thưởng, hỗ trợ an sinh xã hội và tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp, giúp nhân viên nâng cao năng lực, gắn bó lâu dài và đóng góp hiệu quả cho sự phát triển của Công ty.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Hiện tại, Công ty không có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, DWS rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP



Vì nước sạch và môi trường xanh



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỦA NĂM 2025

Năm 2025, Công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh chịu tác động không nhỏ bởi tình hình biến đổi khí hậu, chi phí nguyên, nhiên vật liệu tăng cao, việc chuyển đổi thực hiện chính quyền 2 cấp, làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước tình hình đó, dưới sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, năng động và tích cực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng với sự nỗ lực của tập thể người lao động, Công ty tiếp tục chủ động kiểm soát chi phí, tích cực chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đề ra các giải pháp hữu hiệu đối phó với những khó khăn, thách thức nên hoạt động của Công ty vẫn đạt được những kết quả khả quan. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu chủ yếu như: sản lượng nước sạch tiêu thụ, doanh thu chưa đạt theo kế hoạch.



VỀ LĨNH VỰC CẤP NƯỚC



1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu

Năm 2025, Công ty phát triển 10.637 hộ khách hàng, nâng tổng số khách hàng nước lên 237.702 hộ (trong đó có 8.343 hộ khách hàng nhận chuyên nhượng và tiếp nhận từ 21 trạm nước nông thôn). Sản lượng nước tiêu thụ toàn Công ty là 42,82 triệu m³, đạt 86,61% so với kế hoạch, giảm 2,91 triệu m³ (tỷ lệ 6,36%) so với năm 2024 (45,73 triệu m³). Doanh thu nước sinh hoạt là: 345,4 tỷ đồng, đạt 88,14% so với kế hoạch, giảm 4,71% so với thực hiện cùng kỳ (362,49 tỷ đồng).

2. Công tác quản lý phòng chống thất thoát

Công tác chống thất thoát nước luôn được Công ty quan tâm phòng chống từ khâu thiết kế, lắp đặt, thu ghi, chủ động dò tìm xì bê, nhiều trường hợp được phát hiện và xử lý kịp thời. Tuy nhiên, tỷ lệ thất thoát cả năm 2025 vẫn ở mức cao.

3. Công tác vận hành hoạt động sản xuất nước

Tiếp tục duy trì áp lực phù hợp, trung bình 3,5 bar, phát huy tối đa hiệu suất vận hành các nhà máy, đáp ứng tốt dịch vụ cấp nước cho khách hàng.



VỀ LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG - DỊCH VỤ HOA TÁNG, NGHĨA ĐỊA NHÂN DÂN

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu

Khách hàng tham gia dịch vụ thu gom rác đạt 136.857 khách hàng, tăng 22.727 khách hàng, tương đương tăng 19% so với năm 2024 do tiếp nhận thêm địa bàn mới (H. Hồng Ngự (cũ), xã Gáo Giồng, xã Phương Thịnh), đồng thời rà soát tăng thêm khách hàng tại khu vực Tân Hồng và Thanh Bình. Tiếp tục thực hiện công tác thu gom, vận chuyển rác trên các địa bàn phục vụ với tổng khối lượng rác trên 559,2 tấn/ngày.

Doanh thu thực hiện năm 2025 là 112,86 tỷ đồng, đạt 106,47% so với kế hoạch, tăng 16,34% so với cùng kỳ. Doanh thu tăng do tiếp nhận thêm địa bàn mới, tích cực thực hiện công tác vệ sinh môi trường, rà soát mở lại khách hàng trên tuyến thu gom, điều chỉnh giá và phát triển khách hàng trên các tuyến mới. Đã tổ chức ký hợp đồng dịch vụ: 10 gói thầu vệ sinh môi trường (vốn ngân sách) và 06 gói thầu cấp bù + xã hội hóa với tổng giá trị trên 98 tỷ đồng.

Thực hiện tốt và thanh quyết toán các dịch vụ quét dọn đường phố, vỉa hè, rác phố, rác chợ, chăm sóc hoa viên - công viên - cây xanh, trưng bày hoa kiểng, đèn trang trí đường hoa xuân, lắp đặt kiểu chữ phục vụ các ngày lễ hội diễn ra trên địa bàn Tỉnh và khai thông cống rãnh, rút hầm cầu, vận chuyển bùn ...

2. Công tác vận hành ô chôn lấp rác

Vận hành tốt các khu xử lý rác Tân Dương (xã Tân Phú Đông cũ), Trường Xuân, Hồng Ngự, Tam Nông, Tân Hồng, Thanh Bình; phủ bạt, phun xịt khử mùi, rải vôi, bơm nước ô rác và san ủi rác theo định kỳ.

3. Công tác quản lý nghĩa địa nhân dân

- » Thi công cải tạo cảnh quan khu vực Nghĩa địa nhân dân; Hạng mục: Cải tạo sửa chữa nhà tiếp khách, công tường rào; vệ sinh khu vực hỏa táng và địa táng.
- » Kiểm tra, theo dõi sửa chữa 02 lò hỏa táng; Nghiệm thu công tác sửa chữa Lò hỏa táng số 02.
- » Nạp gas lò hỏa táng 15 đợt, tổng cộng: 53.347 kg.
- » Trong năm thực hiện: 975 ca hỏa táng.

4. Công tác vận hành Nhà máy xử lý nước thải

- » Trực vận hành nhà máy, trạm bơm, hệ thống điện, theo dõi lưu lượng, chất lượng nước thải.
- » Kiểm tra, niêm yết danh mục vật tư mua sắm từ nguồn vốn kết dư gói thầu số 7 thuộc Dự án Hệ thống thoát nước thành phố Cao Lãnh.
- » Phối hợp Trung tâm Quan trắc lấy mẫu môi trường định kỳ các quý trong năm 2025 và thực hiện các báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỦA NĂM 2025



VỀ LĨNH VỰC

NƯỚC ĐÓNG CHAI, ĐÓNG BÌNH



Tổng doanh thu nước đóng chai, đóng bình là 11,74 tỷ đồng, đạt 80,41% kế hoạch và đạt 90,03% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân: Do sáp nhập Tỉnh và các sở ban ngành chuyển về Mỹ Tho nên sụt giảm khách hàng (giảm 179 đơn vị trên địa bàn Đồng Tháp cũ; phát triển thêm 107 khách hàng mới, trong đó khu vực phường Mỹ Tho chỉ mới phát triển 18 đơn vị).

Hạn chế, nguyên nhân của việc không đạt một số chỉ tiêu kế hoạch được giao.

1.

Hạn chế

» Tổng doanh thu toàn Công ty năm 2025 không đạt chỉ tiêu được giao (đạt 90,59% so với kế hoạch), chủ yếu chịu tác động bởi sản lượng, doanh thu hoạt động sản xuất, kinh doanh chính là cấp nước sạch (chiếm trên 70% cơ cấu tổng doanh thu) bị sụt giảm.

» Tỷ lệ thất thoát nước của Công ty còn cao so với quy định.

2.

Nguyên nhân tương ứng với hạn chế

» Do sáp nhập các cơ quan hành chính, việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (giải thể cấp huyện và sáp nhập cấp xã) và dời trung tâm tỉnh lỵ tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (cũ) về phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp (mới), hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn trầm lắng, từ đó sản lượng nước tiêu thụ sụt giảm sâu ảnh hưởng đến doanh thu không đạt chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao.

» Hệ thống mạng lưới đường ống cũ, xuống cấp (chủ yếu từ các trạm nước nông thôn tiếp nhận) chưa được thay thế đồng bộ; ảnh hưởng của việc đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng, chỉnh trang đô thị, mở rộng đường giao thông làm gia tăng các điểm xì bể lớn; mặt khác, công tác phòng, chống thất thoát nước phải tiến hành từng bước theo lộ trình, không thể khắc phục ngay trong năm.



NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trong năm 2025, Công ty ghi nhận những bước tiến tích cực trong lĩnh vực thu gom và xử lý rác thải, thể hiện qua việc mở rộng phạm vi hoạt động và gia tăng đáng kể số lượng khách hàng. Công tác tổ chức thu gom được triển khai hiệu quả hơn, đồng thời phát triển thêm các tuyến dịch vụ mới, góp phần nâng cao năng lực phục vụ. Doanh thu lĩnh vực này tăng trưởng khả quan nhờ đẩy mạnh khai thác địa bàn mới, tối ưu vận hành và từng bước hoàn thiện cơ chế giá dịch vụ. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện tốt các dịch vụ công ích đô thị như vệ sinh đường phố, chăm sóc cây xanh, trang trí phục vụ các sự kiện và duy trì hệ thống thoát nước, qua đó góp phần cải thiện cảnh quan môi trường và chất lượng đô thị trên địa bàn.



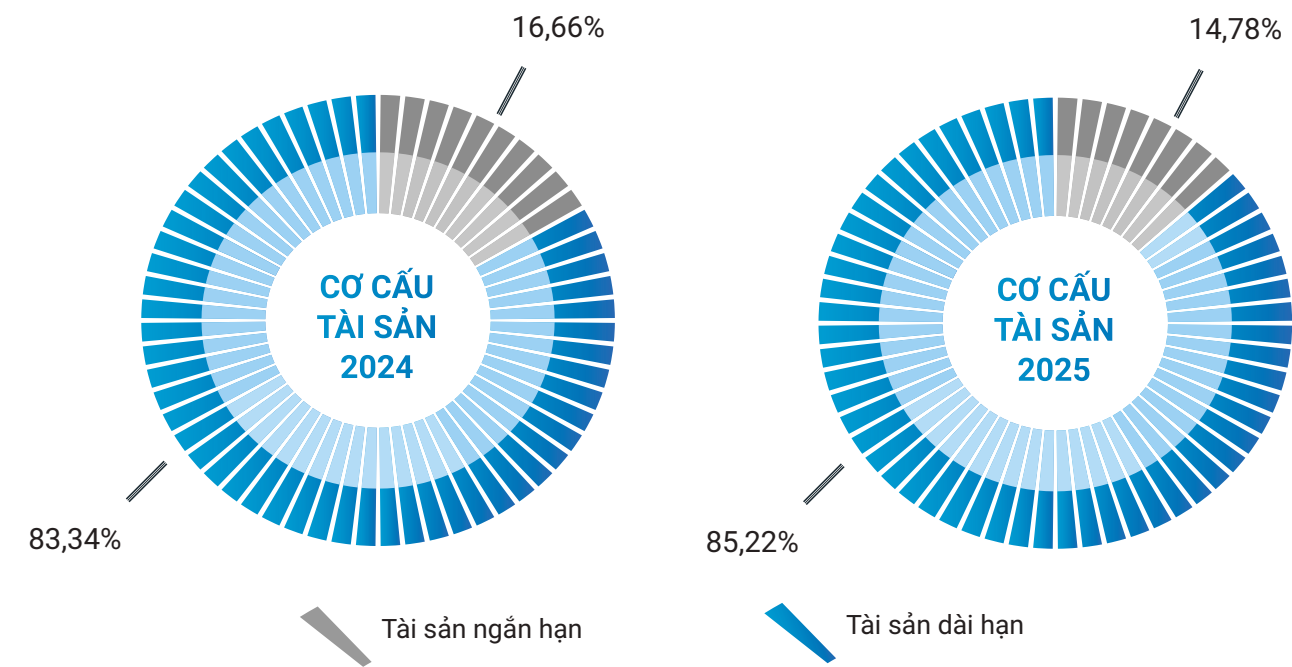


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	177,40	16,66%	158,30	14,78%	(19,10)	(10,76%)
Tài sản dài hạn	887,65	83,34%	912,86	85,22%	25,21	2,84%
Tổng tài sản	1.065,05	100,00%	1.071,16	100,00%	6,11	0,57%



Năm 2025, tổng tài sản của Công ty duy trì ổn định và tăng nhẹ so với năm trước. Cơ cấu tài sản tiếp tục tập trung chủ yếu vào tài sản dài hạn, phù hợp với đặc thù ngành cấp nước, trong đó tài sản cố định và tài sản dở dang chiếm tỷ trọng lớn.

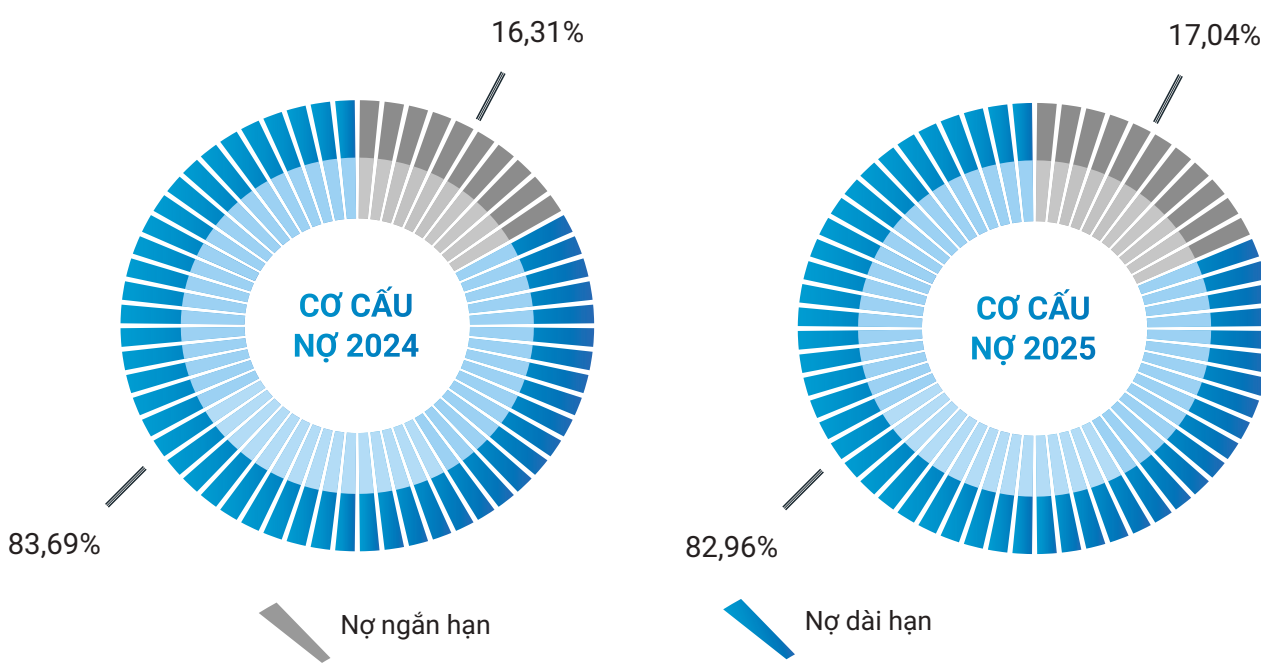
Nguyên nhân, giá trị tài sản dở dang tăng lên chủ yếu do Công ty đang triển khai dự án cải tạo, nâng công suất Nhà máy nước Đông Bình 2 (xã Hòa An, TP. Cao Lãnh). Đây là dự án trọng điểm nhằm nâng cao năng lực cung cấp nước, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khu vực, đồng thời góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng cấp nước của Công ty.

Việc gia tăng tài sản dở dang trong giai đoạn này phản ánh định hướng đầu tư mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ, dù có thể ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả sử dụng tài sản trong ngắn hạn. Tuy nhiên, về dài hạn, các dự án này được kỳ vọng sẽ tạo nền tảng cho tăng trưởng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	113,40	16,31%	116,70	17,04%	3,30	2,91%
Nợ dài hạn	581,94	83,69%	568,15	82,96%	(13,79)	(2,37%)
Tổng nợ phải trả	695,35	100,00%	684,85	100,00%	(10,50)	(1,51%)



Trong năm 2025, tổng nợ phải trả của Công ty giảm nhẹ so với năm trước, nguyên nhân đến từ việc kiểm soát tốt các nghĩa vụ tài chính và duy trì mức độ an toàn trong cơ cấu nguồn vốn. Trong đó, nợ dài hạn tiếp tục xu giảm, chủ yếu do Công ty chủ động thu hẹp các khoản vay và nghĩa vụ tài chính dài hạn, qua đó từng bước giảm hệ số đòn bẩy tài chính.

Đối với nợ ngắn hạn, giá trị tăng không đáng kể, chủ yếu phát sinh từ các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên. Điều này cho thấy Công ty đã linh hoạt sử dụng tín dụng thương mại nhằm hỗ trợ dòng tiền, đồng thời vẫn đảm bảo khả năng thanh toán và uy tín với các đối tác.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm vừa qua, Công ty đã tiếp tục duy trì cấu trúc tổ chức vì nhận thấy sự hiệu quả mà nó mang lại trong hoạt động. Các chính sách quản lý cũng đã được duy trì, hoàn thiện và bổ sung một cách liên tục, đồng thời tiếp tục cung cấp sự hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

STT	Chỉ tiêu	TH 2025	KH 2026	% KH 2026/TH 2025
1	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	259,18	259,18	100,00%
2	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	482,14	518,30	107,50%
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	58,04	58,10	100,10%
4	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	51,22	53,60	104,65%
5	Nộp ngân sách Nhà nước (tỷ đồng)	33,24	34,00	102,29%
6	ROE (%) (*)	15,455	15,464	100,06%
7	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	6,80	6,80	100,00%

(*) Theo quy định và hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 12 Thông tư số 200/2015/TT-BTC và điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 77/2021/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 03/11/2021.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Dự kiến trong năm 2026, Công ty triển khai đầu tư các dự án. Trong đó cụ thể như sau:

STT	Nội dung đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
I	Đầu tư xây dựng	81.166
1	Đầu tư công trình nguồn	11.200
2	Đầu tư nhóm công trình tuyến ống	69.966
II	Đầu tư mua sắm tài sản	18.507
1	Mua máy móc, thiết bị sản xuất nước	10.377
2	Mua mới xe quét, ép rác	8.130
III	Tổng dự toán (I+II)	99.673
III	Tổng dự toán (I+II)	147.945

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025, đơn vị kiểm toán Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn UHY đã đưa ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần trên cơ sở trung thực hợp lý về báo cáo tài chính của Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến phản hồi hay cần giải trình thêm về vấn đề này.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Công ty không ngừng hoàn thiện chính sách lương, thưởng, phúc lợi và các chế độ đãi ngộ, đảm bảo sự ổn định, công bằng và phù hợp với mức độ đóng góp của người lao động; Xây dựng môi trường làm việc an toàn, tôn trọng và chăm sóc sức khỏe, tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật. Đồng thời, chú trọng đào tạo và phát triển nghề nghiệp, cung cấp cơ hội nâng cao kỹ năng và kiến thức cho nhân viên. Việc xây dựng môi trường làm việc tích cực luôn được ưu tiên, đồng thời đánh giá thường xuyên chất lượng quản lý để đảm bảo sự công bằng và hỗ trợ tối đa từ đội ngũ lãnh đạo.



Ngoài việc tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng đặt sự chú trọng và quan tâm đặc biệt vào các công việc xã hội, hỗ trợ cuộc sống của cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, từ đó tạo ra những ảnh hưởng tích cực đối với kinh tế và môi trường xã hội trong cộng đồng. Công ty nhận thức rõ trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương, qua đó thực hiện tài trợ tài chính, đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn trong khu vực hoạt động của mình. Công ty cam kết tạo ra giá trị sống toàn diện hơn thông qua việc triển khai các chương trình hỗ trợ và phát triển, nhằm mục tiêu hướng tới sự phát triển bền vững của cộng đồng.



Công ty thực hiện quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực như điện, nước và công tác thu gom, xử lý rác thải, đảm bảo tuân thủ quy định môi trường và phục vụ tốt hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác quản lý nguyên liệu được chú trọng thông qua bảo trì hệ thống cấp nước, kết hợp nâng cao ý thức tiết kiệm tài nguyên cho người lao động. Đồng thời, việc sử dụng điện và nước được kiểm soát hợp lý, góp phần giảm chi phí và nâng cao hiệu quả vận hành.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP



Vì môi trường và cộng đồng



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục tuân thủ nghiêm túc các quy định về quản lý vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận cũng như công tác tài chính, kế toán theo quy định hiện hành. Các khoản dự phòng được trích lập đầy đủ, góp phần đảm bảo an toàn tài chính và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp thông qua việc tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng, góp phần nâng cao hình ảnh và uy tín của Công ty trên địa bàn.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Trong năm 2025, HĐQT tiếp tục thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý, giám sát toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành, tổ chức thực hiện của Ban điều hành, bộ máy giúp việc thông qua việc cụ thể như sau:

- » Chỉ đạo công tác lập các loại báo cáo định kỳ (tháng, quý) hoặc đột xuất và xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm sau trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
- » Cùng BKS/đại diện BKS tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ và đột xuất do Tổng Giám đốc chủ trì để nắm bắt kịp thời, từ đó tiết giảm thời gian xem xét, thảo luận và đi đến quyết định đối với các vấn đề vướng mắc, cần thông qua thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- » Kiểm tra và đưa ra quyết định xử lý kịp thời các kiến nghị của Tổng Giám đốc trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và các nghị quyết/quyết định của HĐQT.
- » Giám sát, kiểm tra công tác quản lý, tuyển dụng, quy hoạch, bố trí sắp xếp, luân chuyển, điều động, đào tạo, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại nhân sự, người lao động theo Kế hoạch, đúng quy trình, quy định và phù hợp với tình hình thực tế hoạt động điều hành và sản xuất kinh doanh tại đơn vị.
- » Yêu cầu và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các yêu cầu HĐQT/Chủ tịch HĐQT về các chủ trương, định hướng chiến lược phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- » Kiểm tra, đưa ra chủ trương trong công tác triển khai, tổ chức thực hiện các thủ tục đầu tư phát triển và các dự án đầu tư theo Kế hoạch đã phê duyệt.
- » Yêu cầu báo cáo định kỳ hoặc đột xuất và đưa ra định hướng về tình hình tài chính, đầu tư phát triển, ... để Công ty sớm hoàn thành các chỉ tiêu nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra.
- » Giám sát, tạo điều kiện trong việc báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với công ty đại chúng quy mô lớn.
- » Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền, ...
- » Qua đánh giá, Tổng Giám đốc và tập thể Ban điều hành đã triển khai thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; chấp hành các chính sách, pháp luật theo quy định của Nhà nước trong quản lý điều hành công ty, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động, cũng như hiệu quả hoạt động của đơn vị.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Tiếp tục triển khai chiến lược đầu tư mở rộng theo chiều sâu, tập trung nâng cấp công nghệ, hiện đại hóa hệ thống nhà máy và mạng lưới truyền tải nhằm nâng cao năng lực cung cấp nước và chất lượng dịch vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
2. Thực hiện lộ trình chuyển đổi từ khai thác nước ngầm sang nước mặt theo định hướng của địa phương, đảm bảo khai thác bền vững tài nguyên nước, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành đến năm 2030.
3. Nâng cao năng lực quản trị tài chính, tối ưu hiệu quả sử dụng tài sản và nguồn vốn; tiếp tục tái cơ cấu hoạt động theo hướng tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi như cấp nước và dịch vụ môi trường, đồng thời mở rộng hợp tác đầu tư vào các lĩnh vực có liên quan.
4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý vận hành, kiểm soát thất thoát nước và nâng cao hiệu quả khai thác; đồng thời phát triển đa dạng dịch vụ như thu gom, xử lý rác thải và kinh doanh nước đóng chai.
5. Xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, tăng cường kỷ luật và trách nhiệm trong công việc, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn mới.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP



Vì nước sạch cho cộng đồng



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Tính tại ngày: 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)		Tỷ lệ sở hữu (%)
			Đại diện	Cá nhân	
1	Ông Nguyễn Văn Cả	Chủ tịch HĐQT	13.533.140	0	52,22%
2	Ông Đinh Công Phú	Thành viên HĐQT kiêm TGD (Người ĐDPL)	6.433.800	0	24,82%
3	Ông Bùi Tân Cương	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	22.185.480	0	8,56%

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN VĂN CẢ

Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh:** 1968
- Nơi sinh:**
- Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Luật, cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:**
 - 12/1988 – 09/1989 Cán bộ nghiệp vụ, Ban Vật giá tỉnh Đồng Tháp
 - 09/1989 – 12/1990 Chuyên viên, văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
 - 01/1991 – 05/1995 Chuyên viên, Ban Vật giá tỉnh Đồng Tháp
 - 05/1995 – 09/1996 Phó trưởng Ban Vật giá tỉnh Đồng Tháp
 - 10/1996 – 01/2008 Trưởng phòng, Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp
 - 02/2008 – 06/2009 Phó Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp
 - 07/2009 – 05/2011 Phó Chủ tịch UBND thành phố Cao Lãnh
 - 06/2011 – 29/06/2024 Phó Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp
 - 30/06/2024 - nay Chủ tịch Hội đồng quản trị DOWASEN
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 13.533.140 cổ phần, chiếm tỷ lệ 52,22%

Chi tiết tại sơ yếu lý lịch của các thành viên HĐQT xem thông tin sơ yếu lý lịch tại Phần II - Thông tin Ban điều hành.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm



Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ với vai trò đại diện phần vốn nhà nước và thành viên HĐQT, luôn đảm bảo tinh thần trách nhiệm cao, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty, cổ đông và người lao động. HĐQT đã giám sát chặt chẽ hoạt động quản lý, tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm và điều chỉnh nhân sự, tuân thủ quy trình và phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh.



HĐQT theo dõi sát tình hình thực tế, tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất, tối ưu công suất hoạt động các nhà máy nước, đầu tư mở rộng mạng lưới cung cấp nước, nâng cao công suất để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho người dân Đồng Tháp.



HĐQT đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, chăm sóc khách hàng, xử lý công việc, giúp Công ty tận dụng tối đa nguồn lực, giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu suất kinh doanh và đạt tăng trưởng ổn định về doanh thu, lợi nhuận qua từng năm.

Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Cả	27/27	100%
2	Ông Đinh Công Phú	27/27	100%
3	Ông Bùi Tân Cương	27/27	100%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện tại Dowasen chưa thành lập tiểu ban trực thuộc HĐQT. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT Công ty.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Không có



CÁC CUỘC HỌP HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	30/NQ-HĐQT	14/01/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Chủ trương chi khen thưởng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty và đơn vị hỗ trợ Công ty năm 2024. - Chủ trương thực hiện tặng quà tri ân cho khách hàng nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2025.	100%
2	31/NQ-HĐQT	22/01/2025	Phê duyệt chủ trương mua sắm vật tư dự phòng, sửa chữa năm 2025.	100%
3	32/NQ-HĐQT	12/02/2025	Phê chuẩn Kế hoạch phấn đấu sản xuất, kinh doanh năm 2025 của Công ty và giao chỉ tiêu cho từng chi nhánh, đơn vị trực thuộc: - Kế hoạch phấn đấu tổng doanh thu toàn Công ty năm 2025; - Kế hoạch sản lượng nước sinh hoạt năm 2025; - Chi tiết kế hoạch doanh thu giao cho từng chi nhánh năm 2025; - Chi tiết kế hoạch doanh thu giao cho Chi nhánh Dịch vụ Môi trường và Chi nhánh Nước đóng chai DOWASEN năm 2025.	100%
4	33/NQ-HĐQT	25/02/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Chủ trương cải tạo, sửa chữa Nhà hỏa táng (Nhà bao che); - Chủ trương mua vật tư phục vụ sản xuất nước đóng chai (tháng 2,3)	100%
5	34/NQ-HĐQT	27/02/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Chủ trương sáp nhập Phòng Kỹ thuật Công ty và Phòng Quản lý dự án Công ty thành Phòng Quản lý dự án trực thuộc Công ty, từ ngày 01/3/2025. - Chủ trương sắp xếp, bố trí nhân sự Phòng Quản lý dự án theo cơ cấu tổ chức mới.	100%
6	35/NQ-HĐQT	04/3/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. - Chủ trương mua Bảo hiểm xe cơ giới và bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc năm 2025.	50%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
7	36/NQ-HĐQT	14/3/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Về việc thanh lý tài sản cố định và vật tư sau kiểm kê - Về Kế hoạch cải tạo, sửa chữa năm 2025 - Về kế hoạch sử dụng và mua sắm đồng hồ và vật tư lắp đặt cụm đồng hồ năm 2025. - Thông qua và Ban hành quy trình lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.	100%
8	37/NQ-HĐQT	28/3/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Chủ trương về công tác tổ chức nhân sự tại các đơn vị trực thuộc Công ty (Phó TP CNTT, Phó TP KT-TC CNCN TBST); - Chủ trương mua sắm vỏ xe các loại cho Chi nhánh Dịch vụ Môi trường.	100%
9	38/NQ-HĐQT	03/4/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; - Thông qua dự thảo chương trình, kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; - Chủ trương về kế hoạch tổ chức nghỉ mát, tham quan du lịch cho người quản lý và người lao động của Công ty năm 2025.	100%
10	39/NQ-HĐQT	11/4/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Nội dung đánh giá sơ lược kết quả sản xuất kinh doanh Quý I năm 2025; - Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025; - Xác định Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của từng đơn vị; - Giao khoán Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 và Đơn giá tiền lương năm 2025; - Giao chỉ tiêu cho Chi nhánh Dịch vụ Môi trường và Chi nhánh Nước đóng chai DOWASEN; - Kế hoạch khoán chi phí tiếp khách cho các chi nhánh năm 2025; - Ý kiến chỉ đạo và đề ra một số chủ trương giải pháp triển khai thực hiện trong Quý II năm 2025.	100%



CÁC CUỘC HỌP HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	40/NQ-HĐQT	11/4/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Chủ trương phê duyệt Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty năm 2025. - Thống nhất cử Ông Nguyễn Văn Cả, đảm nhiệm vai trò Chủ nhiệm đề tài “Nghiên cứu giải pháp đồng bộ kỹ thuật và quản lý phòng chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn thành phố Cao Lãnh”.	100%
12	41/NQ-HĐQT	15/4/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt thị trấn Mỹ An, thuộc Kế hoạch đầu tư phát triển - xây dựng công trình năm 2025. - Chủ trương điều chỉnh thời gian thực hiện công trình Xây dựng nhà máy nước mặt Vĩnh Thạnh. - Sửa đổi, bổ sung điểm 2, khoản 35.6, Điều 35 Quy chế quản lý tài chính Công ty.	100%
13	42/NQ-HĐQT	28/4/2025	Thông qua kết quả đánh giá và đề nghị mức phân loại cán bộ lãnh đạo là Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty năm 2024.	100%
14	43/NQ-HĐQT	12/5/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Ban hành giá bán nước thô cho Ban Quản lý chợ và Dịch vụ công cộng huyện Hồng Ngự; - Thông qua Kế hoạch trang cấp đồng phục Công ty năm 2025; - Thông qua nội dung dự thảo và ban hành Sổ tay hướng dẫn vận hành nhà máy nước mặt; - Chủ trương mua vật tư phục vụ sản xuất nước đóng chai, đóng bình.	100%
15	44/NQ-HĐQT	02/6/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Bổ nhiệm lại ông Ngô Văn Hợp giữ chức Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty, từ ngày 01/7/2025; - Chủ trương bổ sung hạng mục “Trạm bơm nước thô vào dự án Cải tạo Trạm cấp nước Trường Xuân, thuộc Kế hoạch ĐTP - XDCB năm 2024; - Chủ trương vay vốn và thế chấp tài sản tại Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Tháp để đầu tư công trình Cải tạo Trạm cấp nước Trường Xuân; - Chủ trương vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công Thương và Ngân hàng TMCP Ngoại thương.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
16	45/NQ-HĐQT	11/6/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Thông qua kết quả đánh giá và đề nghị mức phân loại cán bộ lãnh đạo là Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty năm 2024; - Chủ trương, kế hoạch vay vốn tại Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp để thực hiện đầu tư các dự án thuộc danh mục ưu tiên phát triển của tỉnh Đồng Tháp.	100%
17	46 /NQ-HĐQT	22/7/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Chủ trương về công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại nhân sự thuộc thẩm quyền ký quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty; - Chủ trương sắp xếp, tinh gọn một số Trạm cấp nước thuộc các chi nhánh cấp nước, trực thuộc Công ty; - Chủ trương về cơ cấu nhân sự quản lý một số Trạm cấp nước, Phòng chuyên môn thuộc các chi nhánh cấp nước sau khi sắp xếp, tinh gọn; - Chủ trương bố trí nhân sự quản lý một số Trạm cấp nước, Phòng chuyên môn thuộc các chi nhánh cấp nước sau sắp xếp, tinh gọn.	100%
18	47 /NQ-HĐQT	11/8/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Nội dung đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025; - Ý kiến chỉ đạo và đề ra một số chủ trương giải pháp triển khai thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2025; - Chủ trương vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp; - Chủ trương thực hiện công trình Tái lập tuyến ống cấp nước qua cầu Hồng Ngự thuộc Chi nhánh Cấp nước Tây Bắc Sông Tiền; - Chủ trương thực hiện công trình Tái lập tuyến ống cấp nước qua cầu Sa Đéc thuộc Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền; - Chủ trương mua sắm trực tiếp trang thiết bị, đồng phục, bảo hộ lao động cho người lao động năm 2025; - Chấp thuận cho Tổng giám đốc Công ty phê duyệt gói thầu “Thi công lắp đặt hố đồng hồ phân vùng”; - Chấp thuận không thực hiện chủ trương cải tạo, sửa chữa công trình Cải tạo tuyến ống HDPE D63; HDPE D110; HDPE D160 (cấp nước khu vực xã An Khánh).	100%



CÁC CUỘC HỌP HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
19	48 /NQ-HĐQT	25/8/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Chủ trương thực hiện vay vốn và thế chấp tài sản tại Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Tháp; - Chủ trương tiếp nhận và nhận chuyển nhượng 10 trạm cấp nước nông thôn thuộc danh mục 59 trạm cấp nước ngầm tại các phân vùng được địa phương giao cho Công ty.	50%
20	49 /NQ-HĐQT	09/9/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông; - Chủ trương bổ sung hạng mục “Trạm biến áp 3P-320kVA” vào dự án Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt Đồng Bình 2.	100%
21	50 /NQ-HĐQT	29/9/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Chủ trương thành lập và điều chỉnh tên các Vùng, Trạm cấp nước trực thuộc Chi nhánh Cấp nước Tây Bắc Sông Tiền; - Chủ trương thành lập và điều chỉnh tên các Khu vực Dịch vụ Môi trường trực thuộc Chi nhánh Dịch vụ Môi trường; - Chủ trương về công tác tổ chức nhân sự tại Chi nhánh Dịch vụ Môi trường.	100%
22	51 /NQ-HĐQT	27/10/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Chủ trương điều động 04 nhân sự từ Phòng Quản lý dự án Công ty đến Chi nhánh Cấp nước Đồng Bắc Sông Tiền; - Chủ trương mua sắm thiết bị, sửa chữa 02 lò hỏa táng; - Điều chỉnh giá gói thầu “Thi công lắp đặt hồ đồng hồ phân vùng”.	100%
23	52 /NQ-HĐQT	31/10/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Nội dung đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2025; - Kế hoạch Cải tạo, sửa chữa năm 2026; - Chủ trương chi và mức chi Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi năm 2024 cho người lao động và người quản lý Công ty; - Chủ trương tham gia bảo hiểm kết hợp con người cho người lao động năm 2026.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
24	53 /NQ-HĐQT	28/11/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Chủ trương bổ nhiệm lại nhân sự quản lý tại đơn vị trực thuộc; - Chủ trương ban hành Quy chế mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ tại Công ty; - Chủ trương thực hiện nội kiểm nước sạch định kỳ năm 2026; - Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt thị trấn Mỹ An, thuộc Kế hoạch đầu tư phát triển - xây dựng công trình năm 2025; - Phê duyệt chủ trương kế hoạch mua sắm xăng, dầu và dầu nhờn phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2026; - Ban hành quyết định thành lập Hội đồng xử lý nợ Công ty.	100%
25	54 /NQ-HĐQT	08/12/2025	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt thị trấn Mỹ An.	100%
26	55 /NQ-HĐQT	17/12/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Kế hoạch sử dụng đồng hồ đo nước năm 2026; - Chủ trương mua sắm đồng hồ đo nước năm 2026; - Chủ trương mua sắm vật tư phục vụ sản xuất nước đóng chai, đóng bình năm 2026; - Chủ trương mua sắm thùng rác các loại năm 2026; - Chủ trương mua sắm vỏ, sảm, yếm xe cơ giới các loại cho Chi nhánh Dịch vụ Môi trường; - Chủ trương mua sắm hóa chất xử lý nước cấp năm 2026; - Ban hành giá bán nước sạch qua đồng hồ tổng.	100%
27	56 /NQ-HĐQT	30/12/2025	Phê chuẩn các nội dung sau: - Phê duyệt điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt Đồng Bình 2; - Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt thị trấn Mỹ An; - Chủ trương điều chỉnh thời gian thực hiện công trình Xây dựng nhà máy nước mặt Vĩnh Thạnh; - Chủ trương đầu tư và sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển của Công ty năm 2025; - Phê duyệt Kế hoạch phòng chống thất thu, thất thoát nước 2026; - Thông qua việc thăm hỏi và chúc tết người lao động, cán bộ hưu trí nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2026.	100%

THÀNH VIÊN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Lý Thu Cúc	Trưởng BKS	0	0%
2	Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	0	0%
3	Bà Đinh Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	1.000	5,37%

2 **ÔNG NGUYỄN THANH HỒNG** Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Nhân viên Phòng kế hoạch Kinh doanh

- Năm sinh:** 1982
- Nơi sinh:** Đồng Tháp
- Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:**
 - 2011 - 03/2018 Nhân viên phòng Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp
 - 04/2018 - 06/2018 Nhân viên Phòng kế hoạch Kinh doanh CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp
 - 06/2018 - nay Thành viên Ban kiểm soát kiêm Nhân viên Phòng kế hoạch Kinh doanh CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

3 **BÀ ĐINH THỊ THANH THÚY** Thành viên Ban kiểm soát kiêm Nhân viên Phòng Quản lý Dự án

- Năm sinh:** 1984
- Nơi sinh:** Đồng Tháp
- Trình độ chuyên môn:** Đại học Xây dựng
- Quá trình công tác:**
 - 04/2006 - 05/2014 Nhân viên Phòng kỹ thuật Chi nhánh Xây lắp và Vật tư trực thuộc CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp
 - 06/2014 - 03/2019 Phó phòng Phòng kỹ thuật Chi nhánh Xây lắp và Vật tư trực thuộc CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp
 - 04/2019 - 07/2019 Nhân viên Phòng kỹ thuật Chi nhánh Xây lắp và Vật tư trực thuộc CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp
 - 07/2019 - 12/2021 Tổ phó Tổ kỹ thuật, Phòng kỹ thuật CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp
 - 12/2021 - 02/2025 Thành viên Ban kiểm soát kiêm Tổ phó Tổ kỹ thuật, Phòng kỹ thuật (nay Phòng Quản lý Dự án)
 - 03/2025 đến nay Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhân viên kỹ thuật Phòng Quản lý Dự án
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 1.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,004%

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

1 **BÀ LÝ THU CÚC** Trưởng Ban Kiểm soát

- Năm sinh:** 1970
- Nơi sinh:** Đồng Tháp
- Trình độ chuyên môn:** : Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính - Ngân hàng
- Quá trình công tác:**
 - Từ 6/1994 - 10/1998 Kế toán viên Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Đồng Tháp.
 - Từ 11/1998 - 11/2004 Kế toán Phòng Tài vụ Công ty cấp nước Đồng Tháp (nay là CTCP cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp).
 - Từ 12/2004 - 9/2006 Kế toán Phòng Tài vụ. Công ty cấp thoát nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp (nay là CTCP cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp).
 - Từ 10/2006 - 8/2011 Kế toán Phòng Tài vụ. Công ty TNHH MTV cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
 - Từ 9/2011 - 8/2012 Kế toán trưởng Chi nhánh số 2, Công ty TNHH MTV cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
 - Từ 9/2012 - 8/2013 Chi Ủy viên Chi bộ Kế toán trưởng Chi nhánh số 2 Công ty TNHH MTV cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
 - Từ 9/2013 - 4/2016 Chi ủy viên Chi bộ, Kế toán trưởng kiêm Phó Trưởng Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp. Chi nhánh số 2, Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp. Phó Bí thư Chi bộ. Kế toán trưởng kiêm Phó Trưởng Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp. Chi nhánh số 2.
 - Từ 5/2016 - 9/2018 Công ty TNHH MTV cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp. Phó Bí thư Chi bộ, Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp Chi nhánh cấp nước Đồng Bắc Sông Tiền, Công ty Cổ phần cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp.
 - Từ 10/2018 - 3/2019 Phó Trưởng phòng Tài Chính. Công ty cổ phần cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
 - Từ 4/2019 - 3/2020 Chi Ủy viên Chi bộ Văn phòng Công ty 2. Phó Trưởng phòng Tài Chính Công ty, Công ty cổ phần cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp.
 - Từ 4/2020 - 6/2020 Đảng ủy viên Đảng bộ Công ty. Chi Ủy viên Chi bộ Văn phòng Công ty 2. Phó Trưởng phòng Tài Chính Công ty, Công ty Cổ phần cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
 - Từ 7/2020 - 8/2020 Ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy Công ty. Chi ủy viên Chi bộ Văn phòng Công ty 2. Phó Trưởng phòng Tài Chính Công ty, Công ty Cổ phần cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp.
 - Từ 8/2020 - 10/2021 Ủy viên Ban thường vụ Đảng Ủy Công ty, Chi ủy viên Chi bộ Văn phòng Công ty 2. Phó Trưởng Phòng Tài chính Công ty kiêm Người phụ trách quản trị và Tổ trưởng Tổ quản trị nội bộ Công ty, Công ty Cổ phần cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp.
 - Từ 11/2021 - 10/6/2024 Ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy Công ty. Chi Ủy viên Chi bộ Văn phòng Công ty 2. Nhân viên Phòng Tổ chức - Hành chính – Quản trị Công ty, Công ty cổ phần cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
 - Từ 11/6/2024 - 30/06/2024
 - Từ 30/06/2024 - nay Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông

Trong năm 2025, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Công ty, như sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành; kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Giám sát Công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty DOWASEN trên sàn UPCoM; công bố thông tin theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong việc công bố thông tin để phục vụ quyền lợi của cổ đông;
- Giám sát việc thực hiện Quyết định số 1479/QĐ-TTg, ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý giai đoạn 2022-2025, Công ty thuộc trường hợp giữ nguyên phần vốn nhà nước cho đến hết năm 2025;
- Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty và các phòng, ban chuyên môn; kiểm tra, giám sát việc triển khai và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế, Quy định,... của Đảng ủy Công ty, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty ban hành;
- Giám sát và góp ý Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc thực hiện công tác sắp xếp bộ máy tổ chức hoạt động;
- Xem xét, đánh giá các hoạt động trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó góp ý trong công tác quản trị, đề ra biện pháp hạn chế rủi ro trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh, đầu tư của đơn vị;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định các báo cáo của Công ty gửi UBND Tỉnh và các sở ngành định kỳ và đột xuất theo tinh thần Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, ngày 08/3/2018; Quyết định số 1437/QĐ-UBND-HC ngày 07/9/2020; báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty và trình báo cáo thẩm định lên

Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- ĐHĐCĐ ban hành Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 10/06/2025 thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY để cung cấp dịch vụ “Soát xét Báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025”; Tham gia thảo luận những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán, cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Công ty;
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng trong Công ty; phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật; đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư và hiệu quả trong việc sử dụng các nguồn vốn đầu tư của Công ty;
- Trong năm, Ban kiểm soát thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng và hiệu quả hoạt động của đơn vị;
- Các nội dung công việc khác thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát đã chủ động trao đổi, thống nhất với HĐQT về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát, phối hợp với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát;
- Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho Ban Kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoạt động khác của BKS

Thành viên Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các buổi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: về tài chính, kế toán, chính sách thuế, ... nhằm đảm bảo cập nhật kịp thời các chế độ chính sách mới để làm tốt nhiệm vụ được giao.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tổ chức 05 phiên họp:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Bà Lý Thu Cúc	Trưởng BKS	05/05	100%
2	Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	05/05	100%
3	Bà Đinh Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	05/05	100%

Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2026



- Ban kiểm soát thực hiện công việc theo nguyên tắc độc lập, tổ chức thẩm định, rà soát, giám sát và kiểm tra các nội dung, đối tượng trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế quản lý Công ty và các quy định liên quan khác.
- BKS duy trì liên lạc chặt chẽ, lắng nghe ý kiến, hướng dẫn, kiểm tra và giải đáp các yêu cầu từ cổ đông theo trách nhiệm và nhiệm vụ quy định, tham gia các cuộc họp của HĐQT, mở rộng giao ban định kỳ và đóng góp ý kiến mang tính khách quan, mang lại lợi ích tích cực cho Công ty.
- BKS thực hiện việc tập hợp, theo dõi, kiểm tra và giám sát mọi nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các nghị quyết khác, đánh giá tính pháp lý cũng như hiệu quả của việc thực hiện tại Công ty.

Hoạt động khác của BKS Không có





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương
1	Ông Nguyễn Văn Cả	Chủ tịch HĐQT	821.069.271
2	Ông Đinh Công Phú	Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT	754.627.363
3	Ông Bùi Tân Cương	Phó Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT	686.871.579
4	Bà Lý Thu Cúc	Trưởng Ban Kiểm soát	715.471.513
5	Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	303.535.627
6	Bà Đinh Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	330.439.861
7	Ông Hoàng Quốc Hưng	Kế toán trưởng	813.408.989

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người lao động và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các chính sách pháp luật, tuân thủ việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đã được đăng ký và cấp phép. Đồng thời, tuân thủ chặt chẽ các quy định, định hướng chỉ đạo từ cấp thẩm quyền cũng như từ các sở, ban ngành trong tỉnh.

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
2. Ý kiến kiểm toán
3. Báo cáo tài chính được kiểm toán



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP



DOWASEN

Vì nước sạch và môi trường

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 từ trang 07 đến trang 51 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần từ ngày 26/04/2017 theo Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp (nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp) cấp ngày 27/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 18/07/2025.

Vốn điều lệ của Công ty là 259.181.300.000 đồng, chia thành 25.918.130 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 01, đường Tôn Đức Thắng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm: Sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Dịch vụ đô thị; Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai, đóng bình;...

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Cả	Chủ tịch
Ông Đinh Công Phú	Thành viên
Ông Bùi Tân Cương	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lý Thu Cúc	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên
Bà Đinh Thị Thanh Thúy	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Công Phú	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tân Cương	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2025 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Hoàng Quốc Hưng.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm 2025 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Đinh Công Phú - Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đinh Công Phú
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Tháp, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Số: 49 /2026/UHYHCM-BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2026, từ trang 07 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Điền
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1496-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thị Tuyết Hoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 3558-2026-112-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**
Số 01, đường Tôn Đức Thắng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		158.300.707.257	177.395.136.569
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	59.813.357.532	44.420.748.018
Tiền	111		59.813.357.532	44.420.748.018
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.000.000.000	14.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6a	14.000.000.000	14.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.838.221.613	87.796.949.318
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	46.541.242.920	74.534.644.257
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	584.705.128	487.872.286
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	10.730.883.538	19.901.065.031
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7,8,9	(8.018.609.973)	(7.126.632.256)
Hàng tồn kho	140	10	29.855.695.443	24.949.724.685
Hàng tồn kho	141		29.855.695.443	24.949.724.685
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.793.432.669	6.227.714.548
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	-	2.923.402.881
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	4.793.432.669	3.304.311.667
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		912.859.728.477	887.650.795.162
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.042.207.120	-
Phải thu dài hạn khác	216	8	3.042.207.120	-
Tài sản cố định	220		424.444.571.401	413.859.466.600
Tài sản cố định hữu hình	221	11	423.408.050.988	413.255.234.493
- Nguyên giá	222		982.958.659.513	931.200.128.838
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(559.550.608.525)	(517.944.894.345)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.036.520.413	604.232.107
- Nguyên giá	228		1.984.888.743	1.550.263.743
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(948.368.330)	(946.031.636)
Tài sản dở dang dài hạn	240		455.795.104.906	450.214.313.548
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	455.795.104.906	450.214.313.548
Đầu tư tài chính dài hạn	250		84.040.000	84.040.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6b	84.040.000	84.040.000
Tài sản dài hạn khác	260		29.493.805.050	23.492.975.014
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	29.493.805.050	23.492.975.014
TỔNG TÀI SẢN	270		1.071.160.435.734	1.065.045.931.731

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		684.851.092.444	695.347.207.201
Nợ ngắn hạn	310		116.701.419.712	113.403.232.859
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	20.964.747.189	13.849.427.992
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	127.233.582	57.173.626
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	7.972.116.626	7.638.861.456
Phải trả người lao động	314		45.842.568.755	44.785.908.497
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	9.851.011.778	8.842.247.538
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	4.955.730.013	5.762.370.646
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	25.646.211.527	32.009.925.451
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		184.462.365	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.157.337.877	457.317.653
Nợ dài hạn	330		568.149.672.732	581.943.974.342
Phải trả dài hạn khác	337	19	480.352.078.534	484.379.354.154
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	72.419.763.443	77.266.178.770
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	748.800.000
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		15.377.830.755	19.549.641.418
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		386.309.343.290	369.698.724.530
Vốn chủ sở hữu	410	21	386.309.343.290	369.698.724.530
Vốn góp của chủ sở hữu	411		259.181.300.000	259.181.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		259.181.300.000	259.181.300.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		75.912.602.533	61.081.964.534
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.215.440.757	49.435.459.996
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		51.215.440.757	49.435.459.996
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.071.160.435.734	1.065.045.931.731

Tỉnh Đồng Tháp, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Dương Từ Đăng Khoa

Hoàng Quốc Hưng

Đinh Công Phú



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	476.172.039.315	488.990.923.551
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	112.110.185	183.408.460
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		476.059.929.130	488.807.515.091
Giá vốn hàng bán	11	23	323.330.360.124	339.198.055.894
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		152.729.569.006	149.609.459.197
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	873.077.826	751.930.553
Chi phí tài chính	22	25	5.363.277.870	6.686.943.596
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.363.277.870	6.686.943.596
Chi phí bán hàng	25	26	49.196.369.496	37.003.679.085
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	44.390.028.713	49.264.436.800
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		54.652.970.753	57.406.330.269
Thu nhập khác	31	27	5.206.602.714	3.194.110.381
Chi phí khác	32	28	1.819.966.629	5.186.590.491
Lợi nhuận khác	40		3.386.636.085	(1.992.480.110)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		58.039.606.838	55.413.850.159
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	6.824.166.081	5.978.390.163
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51.215.440.757	49.435.459.996
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.253	1.222
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	1.253	1.222

Tỉnh Đồng Tháp, ngày 26 tháng 03 năm 2026

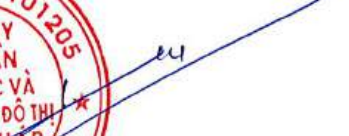
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Dương Từ Đăng Khoa

Hoàng Quốc Hưng

Đinh Công Phú



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		58.039.606.838	55.413.850.159
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		59.755.196.879	61.755.725.980
Các khoản dự phòng	03		1.076.440.082	3.024.038.578
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		122.175.059	3.014.866.092
Chi phí lãi vay	06		5.363.277.870	6.686.943.596
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	4.100.000.000
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		124.356.696.728	133.995.424.405
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		32.367.377.968	(37.897.442.529)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(76.569.877.701)	8.753.815.827
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		38.491.503.842	(1.598.098.651)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(3.077.427.155)	(4.531.334.226)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.312.571.302)	(6.720.679.291)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.455.000.000)	(5.712.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.432.759.554)	(14.369.565.090)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		87.367.942.826	71.920.120.445
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(45.413.094.986)	(22.401.477.806)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		591.297.600	-
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(3.500.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		903.377.825	739.104.802
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(43.918.419.561)	(25.162.373.004)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		29.981.459.355	77.893.746.503
Tiền trả nợ gốc vay	34		(41.191.588.606)	(108.192.450.904)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.846.784.500)	(15.550.878.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.056.913.751)	(45.849.582.401)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		15.392.609.514	908.165.040
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	44.420.748.018	43.512.582.978
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	59.813.357.532	44.420.748.018

Tỉnh Đồng Tháp, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Dương Từ Đăng Khoa

Hoàng Quốc Hưng

Đinh Công Phú



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần từ ngày 26/04/2017 theo Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/09/2006, đăng ký thay đổi lần 19 ngày 18/07/2025.

Vốn điều lệ của Công ty là 259.181.300.000 đồng chia thành 25.918.130 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 01, đường Tôn Đức Thắng, phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

Tổng số người quản lý và người lao động của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 797 người (tại ngày 31/12/2024 là 800 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, cung cấp nước sạch, thu gom rác thải và các dịch vụ môi trường, tư vấn khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật tư xây dựng, vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Dịch vụ địa táng, hỏa táng và các dịch vụ kèm theo có liên quan;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Vệ sinh chung nhà cửa. Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh cơ quan, hộ gia đình;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Chăm sóc hoa kiểng cơ quan, hộ gia đình;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường; lập báo cáo giám sát, quan trắc nước và môi trường; lập phương án phân vùng, tách mạng, phòng và chống thất thu, thất thoát nước, quản lý tài sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình; Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán nước uống đóng chai, đóng bình;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom và vận chuyển rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình cầu, đường;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP)

- Xây dựng công trình cấp thoát nước. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước. Xây dựng đường ống và hệ thống đường nước, như: Hệ thống thủy lợi (kênh); Hồ chứa... Xây dựng công trình cửa, như: Hệ thống thoát nước thải, bao gồm cả sửa chữa; Nhà máy xử lý nước thải; Trạm bơm. Khoan nguồn nước;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom và vận chuyển rác thải không độc hại;
- Xây dựng công trình thủy. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng nhà để ở. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công ích khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công ích khác. Xây dựng công trình, hệ thống xử lý rác thải độc hại và không độc hại. Xây dựng công trình, hệ thống xử lý nước thải độc hại và không độc hại. Xây dựng công trình xử lý bùn. Xây dựng các công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm. Chi tiết: Vườn ươm cây;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cống, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cống, thoát nước;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt. Chi tiết: Dịch vụ rút hầm cầu;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm. Chi tiết: Vườn ươm cây;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển, di dời đồ đạc cơ quan, gia đình, công trình xây dựng, vận chuyển phế liệu xây dựng;
- Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty có chu kỳ quay vòng thường xuyên và liên tục trong tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch và cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý rác thải. Yếu tố chính sách về đơn giá tiền nước, đơn giá thu gom rác thải, thuế tài nguyên, chính sách khuyến khích ưu đãi của địa phương và của nhà nước thay đổi theo từng thời kỳ có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền	Số 207b, Trần Hưng Đạo, Phường Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước Bắc Sông Tiền	Số 01, Nguyễn Huệ, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước Tây Bắc Sông Tiền	Quốc lộ 30, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Dịch vụ Môi trường	Số 15/4, Đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Trà, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Nước Đóng chai Dowasen	Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các công cụ dụng cụ và các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh khác có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm và các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính tài sản.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.10 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ, vay và nợ thuê tài chính và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được hưởng một số ưu đãi thuế suất và miễn giảm thuế theo quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 3, Điều 11, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động theo Công văn 2506/CT-TTHT ngày 26/10/2017 của Cục thuế tỉnh Đồng Tháp.
- Đối với khoản thu nhập thuộc lĩnh vực kinh doanh thông thường, lĩnh vực hoạt động tài chính, thu nhập khác được áp dụng với mức thuế suất thông thường là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: hoạt động cung cấp nước sạch, sản xuất nước đóng chai, hoạt động xây lắp, bán vật tư, dịch vụ thu gom vận chuyển rác và các dịch vụ khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó bên liên quan của Công ty là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.171.705.238	1.165.724.225
Tiền gửi ngân hàng	58.641.652.294	43.255.023.793
Cộng	59.813.357.532	44.420.748.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn				
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (1)		14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (2)		11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
		3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Dài hạn		-	-	-

(1) Là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam có kỳ hạn gốc 12 tháng với lãi suất từ 4,1% - 5,3%/năm.

(2) Là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có kỳ hạn gốc 12 tháng với lãi suất 4,2%/năm

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	84.040.000	-	84.040.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường (3)	84.040.000	-	84.040.000	-

(3) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 1,25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01, đường Tôn Đức Thắng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	46.541.242.920	(6.110.655.566)	74.534.644.257	(7.032.167.256)
- Phải thu của khách hàng Nước sinh hoạt	15.837.772.835	(1.414.735.383)	37.100.822.734	(2.013.694.265)
- Ban Quản Lý dự án & Phát Triển quỹ đất TP. Cao Lãnh	4.112.153.000	-	7.846.488.000	-
- Ban Quản lý Công trình Công cộng Thành phố Cao Lãnh	-	-	2.372.471.000	(99.207.000)
- Ban Quản lý Công trình Đô thị Thành phố Sa Đéc	-	-	2.357.153.000	-
- Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố Cao Lãnh	-	-	3.936.782.111	(1.600.240.233)
- Phải thu của khách hàng ngắn hạn khác	26.591.317.085	(4.695.920.183)	20.920.927.412	(3.319.025.758)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là bên liên quan	-	-	-	-

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	584.705.128	(25.000.000)	487.872.286	(94.465.000)
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ DLK	90.576.900	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Hiệp Phát Thành	84.600.000	-	-	-
- Lâm Quốc Thanh (Trạm cấp nước Ấp 2, 3 xã Láng Biển)	-	-	144.000.000	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	409.528.228	(25.000.000)	343.872.286	(94.465.000)
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	584.705.128	(25.000.000)	487.872.286	(94.465.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	10.730.883.538	(1.882.954.407)	19.901.065.031	-
- Tạm ứng	2.006.687.925	-	3.674.261.058	-
+ Tạm ứng cho CBCNV tại văn phòng	764.431.000	-	2.200.191.133	-
+ Tạm ứng cho CBCNV tại các chi nhánh	1.242.256.925	-	1.474.069.925	-
- Phải thu lãi dự thu	308.995.891	-	339.295.890	-
- Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.829.870.030	-	8.695.399.969	-
- Chi phí nhà máy nước thải (1)	4.534.789.220	(1.882.954.407)	2.827.315.155	-
- Phải thu do thu hồi đất dự án thoát nước Tp. Cao Lãnh (2)	-	-	3.042.207.120	-
- Phải thu khác	1.050.540.472	-	1.322.585.839	-
+ Thuế thu nhập cá nhân CBCNV phải thu	888.597.472	-	597.274.291	-
+ Các khoản phải thu khác	161.943.000	-	725.311.548	-
Dài hạn	3.042.207.120	-	-	-
- Phải thu do thu hồi đất dự án thoát nước Tp. Cao Lãnh (2)	3.042.207.120	-	-	-
Cộng	13.773.090.658	(1.882.954.407)	19.901.065.031	-

(1) Là khoản Công ty chi phục vụ vận hành nhà máy nước thải phường 3, TP Cao Lãnh (nay là Phường Cao Lãnh); chi phí nhân công, vật tư, tiền điện, tiền nước,... Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty chưa nhận được văn bản phản hồi về Quyết định cấp bù chi phí vận hành nhà máy từ các cơ quan liên quan.

(2) Phải thu do thu hồi đất dự án thoát nước TP. Cao Lãnh: Theo Quyết định số 228/QĐ-UBND.HC ngày 07/08/2019 của UBND tỉnh Đồng Tháp và Biên bản bàn giao đất ngày 12/8/2019 về việc bàn giao đất cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Cao Lãnh triển khai thực hiện khu sản xuất khởi nghiệp, giá trị đất sẽ được bù trừ khi quyết toán dự án cấp thoát nước Thành phố Cao Lãnh theo Thuyết minh số 19.

/// 31/12/2025 14:21:11

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01, đường Tôn Đức Thắng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	27.596.476.255	-	22.542.479.344	-
Công cụ dụng cụ	985.118.742	-	896.746.303	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	980.538.509	-	1.330.188.107	-
Thành phẩm	187.112.951	-	141.015.931	-
Hàng hoá	106.448.986	-	39.295.000	-
Cộng	29.855.695.443	-	24.949.724.685	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2025	466.910.117.229	85.493.973.201	376.603.886.021	2.192.152.387	931.200.128.838
- Mua trong năm	600.925.926	2.356.856.556	14.110.654.365	116.901.000	17.185.337.847
- Đầu tư XDCB hoàn thành	8.948.616.927	776.348.353	45.355.389.591	-	55.080.354.871
- Giám TSCĐ do hư hỏng	(1.746.676.025)	-	(9.356.914.126)	(131.950.000)	(11.235.540.151)
- Thanh lý TSCĐ	(144.485.409)	(6.190.738.909)	(2.416.215.799)	-	(8.751.440.117)
- Giảm khác	(90.130.725)	-	(430.051.050)	-	(520.181.775)
Tại 31/12/2025	474.478.367.923	82.436.439.201	423.866.749.002	2.177.103.387	982.958.659.513
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2025	(256.859.073.733)	(50.644.952.242)	(208.848.944.125)	(1.591.924.245)	(517.944.894.345)
- Khấu hao trong năm	(30.497.078.732)	(5.833.551.539)	(23.180.226.166)	(242.003.748)	(59.752.860.185)
- Hao mòn TSCĐ hình thành từ quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ (*)	(83.886.636)	(307.141.041)	-	-	(391.027.677)
- Giám TSCĐ do hư hỏng	1.258.841.153	-	9.084.721.615	32.950.000	10.376.512.768
- Thanh lý TSCĐ	63.309.463	5.561.754.281	2.437.597.170	99.000.000	8.161.660.914
Tại 31/12/2025	(286.117.888.485)	(51.223.890.541)	(220.506.851.506)	(1.701.977.993)	(559.550.608.525)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	210.051.043.496	34.849.020.959	167.754.941.896	600.228.142	413.255.234.493
Tại 31/12/2025	188.360.479.438	31.212.548.660	203.359.897.496	475.125.394	423.408.050.988

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 178.968.183.783 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 123.066.391.808 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 40.311.781.471 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 101.097.242.905 đồng).

11.31.2025 11.31.2025 11.31.2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

(*) Giá trị hao mòn các tài sản cố định hữu hình phát sinh tăng do đầu tư, mua sắm được hình thành từ Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ không ghi nhận vào chi phí của Công ty.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm máy vi tính		TSCĐ vô hình khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ							
Tại 01/01/2025	604.232.107	582.088.000	363.943.636	1.550.263.743			
Đầu tư, mua sắm hình thành từ Quỹ Phát triển Khoa học - Công nghệ (*)	-	434.625.000	-	434.625.000			434.625.000
Tại 31/12/2025	604.232.107	1.016.713.000	363.943.636	1.984.888.743			
GIÁ TRỊ HAO MÒN							
Tại 01/01/2025	-	(582.088.000)	(363.943.636)	(946.031.636)			
Tăng hao mòn TSCĐ hình thành từ Quỹ Phát triển Khoa học - Công nghệ (*)	-	(2.336.694)	-	(2.336.694)			(2.336.694)
Tại 31/12/2025	-	(584.424.694)	(363.943.636)	(948.368.330)			
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2025	604.232.107	-	-	604.232.107			
Tại 31/12/2025	604.232.107	432.288.306	-	1.036.520.413			

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 946.031.636 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 946.031.636 đồng).

Quyền sử dụng đất là thừa đất số 60, diện tích 193 m² tại Xã Tân Phú Trung, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp. Thời hạn sử dụng đất lâu dài nên Công ty không trích khấu hao tài sản này.

(*) Giá trị hao mòn các tài sản cố định vô hình phát sinh tăng do đầu tư, mua sắm được hình thành từ Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ không ghi nhận vào chi phí của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
- Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải Thành phố Cao Lãnh (*)	446.392.478.344	446.392.478.344
- Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Đồng Bình 2, xã Hoà An, TP. Cao Lãnh	4.429.153.097	169.929.360
- Các công trình khác	4.973.473.465	3.651.905.844
Cộng	455.795.104.906	450.214.313.548

(*) Công trình trên được xây dựng trên hai nguồn vốn bao gồm nguồn vốn Ngân sách nhà nước và nguồn vốn Ngân hàng Tái Thiết Đức (KfW). Sau khi các công trình hoàn thành, Công ty sẽ thực hiện bàn giao lại tài sản cho đơn vị tiếp quản và sử dụng theo chỉ đạo của UBND Tỉnh Đồng Tháp. Đến thời điểm 01/03/2024 theo Công văn 508/SKHĐT-ĐTC, Sở Kế hoạch Đầu tư báo cáo việc xây dựng cho UBND Tỉnh Đồng Tháp về phương án trình Văn phòng Chính phủ xin ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính Phủ chỉ đạo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Dự án đã hoàn thành mục tiêu đề ra, Công ty đang phối hợp với các cơ quan, sở, ngành trong việc xử lý các vướng mắc nhằm thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án để kết thúc dự án, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và bàn giao cho đơn vị quản lý, vận hành theo quy định.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	-	2.923.402.881
- Chi phí Khu xử lý rác thải Đập Đá	-	2.923.402.881
Dài hạn	29.493.805.050	23.492.975.014
- Chi phí lấp đất thủy lượng kế	14.857.638.280	11.645.016.822
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.978.135.003	4.334.116.842
- Chi phí đầu tư hệ thống cấp nước	1.735.472.994	45.881.519
- Chi phí thuế quyền sử dụng đất	6.927.573.918	7.037.398.010
- Chi phí trả trước dài hạn khác	994.984.855	430.561.821
Cộng	29.493.805.050	26.416.377.895

11/2/2025 12/2/2025 1/3/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01, đường Tôn Đức Thắng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	Giá trị VND	Giá trị VND
	Số có khả năng trả nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	20.964.747.189	13.849.427.992
- Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Minh Nghi	560.806.755	802.269.249
- Công ty Cổ phần Hóa Chất Cơ bản Miền Nam	2.114.435.010	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Wacom	5.735.000.000	-
- Công ty TNHH Việt Thanh Sơn	4.273.288.000	-
- Công ty Cổ phần HAWACO	-	1.487.160.000
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Phạm Gia	249.402.052	2.380.585.792
- Công ty Cổ phần Đồng Á	-	2.808.298.200
- Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn khác	8.031.815.372	6.371.114.751
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn	127.233.582	57.173.626
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 2	27.223.000	-
- Đảng Ủy Xã Tân Nhuận Đông	4.900.000	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	95.110.582	57.173.626
Các khoản người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-

	Số phát sinh trong năm		Tại 01/01/2025	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.031.543.399	-	13.147.435.439	13.323.896.096
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.030.363.889	-	6.824.166.081	6.455.000.000
- Thuế thu nhập cá nhân	-	4.793.432.669	7.200.369.919	8.689.490.921
- Thuế tài nguyên	591.085.393	-	6.802.338.838	7.331.212.556
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	4.057.981.246	4.057.981.246
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	590.726.000	-	2.273.298.000	2.319.596.000
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	2.728.397.945	-	19.016.752.016	18.301.030.552
Cộng	7.972.116.626	4.793.432.669	59.322.341.539	60.478.207.371

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	9.851.011.778	8.842.247.538
- Trích trước chi phí xử lý rác thải sinh hoạt	9.747.488.093	8.789.430.421
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả	103.523.685	52.817.117
Dài hạn	-	-
Cộng	9.851.011.778	8.842.247.538

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	4.955.730.013	5.762.370.646
- Kinh phí công đoàn	38.324.386	34.963.546
- Bảo hiểm xã hội	43.080.217	43.592.413
- Bảo hiểm y tế	91.644.411	91.199.417
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.604.641	9.098.664
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.557.590.511	3.024.111.237
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.216.485.847	2.559.405.369
Dài hạn	480.352.078.534	484.379.354.154
- Dự án Thoát nước TP.Cao Lãnh (*)	450.026.334.114	450.026.334.114
- Dự án Thoát nước TP.Cao Lãnh - đấu nối hộ gia đình (*)	1.191.159.000	1.191.159.000
- Ban QLDA Nâng cấp Đô thị TP.Cao Lãnh	3.569.500.000	3.569.500.000
- Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp	1.002.692.350	1.002.692.350
- Dự án Hệ thống cấp nước Thường Thới Tiền	17.091.899.500	17.091.899.500
- Dự án Cấp thoát nước VSMT TX.Sa Đéc (*)	2.323.486.748	3.194.794.280
- Dự án Hệ thống cấp nước TX Hồng Ngự (*)	1.881.145.431	2.586.574.971
- Hệ thống cấp nước Xã Tân Khánh Trung, Huyện Lấp Vò (Sở Tài chính)	-	1.678.712.570
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.265.861.391	4.037.687.369
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	485.307.808.547	490.141.724.800

(**) Đây là khoản phải trả liên quan đến các công trình xây dựng bằng vốn ODA và nguồn vốn đối ứng ngân sách Nhà nước. Sau khi các công trình trên hoàn thành, Công ty sẽ bàn giao cho cơ quan tiếp quản và sử dụng theo chỉ đạo của UBND Tỉnh Đồng Tháp căn cứ vào Công văn số 1445/STC-TCĐN của Sở Tài chính Tỉnh Đồng Tháp ngày 29/06/2018 về việc điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hóa. Đến thời điểm 01/03/2024 theo Công văn 508/SKHĐT-ĐTC, Sở Kế hoạch Đầu tư báo cáo việc xây dựng cho UBND Tỉnh Đồng Tháp về phương án trình Văn phòng Chính phủ xin ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính Phủ chỉ đạo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Tuy nhiên, đến nay Công ty vẫn chưa nhận được văn bản kết luận về thời điểm Quyết toán của dự án trên.

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2025				Trong năm				Tại 01/01/2025			
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)		
a. Vay ngắn hạn	25.646.211.527	25.646.211.527	34.827.874.682	41.191.588.606	32.009.925.451	32.009.925.451	32.009.925.451	32.009.925.451	32.009.925.451	32.009.925.451		
Vay ngắn hạn	-	-	7.838.863.155	17.269.532.266	9.430.669.111	9.430.669.111	9.430.669.111	9.430.669.111	9.430.669.111	9.430.669.111		
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	-	-	7.838.863.155	17.269.532.266	9.430.669.111	9.430.669.111	9.430.669.111	9.430.669.111	9.430.669.111	9.430.669.111		
Lịch đến hạn trả nợ các khoản vay trung, dài hạn	25.646.211.527	25.646.211.527	26.989.011.527	23.922.056.340	22.579.256.340	22.579.256.340	22.579.256.340	22.579.256.340	22.579.256.340	22.579.256.340		
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (1)	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000		
+ Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp (2)	7.213.000.000	7.213.000.000	7.393.000.000	7.314.000.000	7.134.000.000	7.134.000.000	7.134.000.000	7.134.000.000	7.134.000.000	7.134.000.000		
+ Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (3)	7.624.850.527	7.624.850.527	8.672.650.527	7.037.056.340	5.989.256.340	5.989.256.340	5.989.256.340	5.989.256.340	5.989.256.340	5.989.256.340		
+ Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN Đồng Tháp (4)	1.808.361.000	1.808.361.000	1.923.361.000	571.000.000	456.000.000	456.000.000	456.000.000	456.000.000	456.000.000	456.000.000		
b. Vay dài hạn	72.419.763.443	72.419.763.443	22.142.596.200	26.989.011.527	77.266.178.770	77.266.178.770	77.266.178.770	77.266.178.770	77.266.178.770	77.266.178.770		
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam (1)	12.193.964.000	12.193.964.000	-	9.000.000.000	21.193.964.000	21.193.964.000	21.193.964.000	21.193.964.000	21.193.964.000	21.193.964.000		
- Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp (2)	38.084.869.000	38.084.869.000	2.524.363.000	7.393.000.000	42.953.506.000	42.953.506.000	42.953.506.000	42.953.506.000	42.953.506.000	42.953.506.000		
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (3)	16.182.330.443	16.182.330.443	12.026.233.200	8.672.650.527	12.828.747.770	12.828.747.770	12.828.747.770	12.828.747.770	12.828.747.770	12.828.747.770		
- Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển VN - CN Đồng Tháp (4)	5.958.600.000	5.958.600.000	7.592.000.000	1.923.361.000	289.961.000	289.961.000	289.961.000	289.961.000	289.961.000	289.961.000		
Cộng	98.065.974.970	98.065.974.970	56.970.470.882	68.180.600.133	109.276.104.221	109.276.104.221	109.276.104.221	109.276.104.221	109.276.104.221	109.276.104.221		

Chi tiết lịch biểu trả nợ vay dài hạn như sau:

Ngân hàng	Dưới 1 năm					Năm thứ 2					Năm thứ 3					Các năm kế tiếp					Tổng																								
-	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (1)																				9.000.000.000					9.000.000.000					3.193.964.000					-					21.193.964.000				
-	Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp (2)																				7.213.000.000					7.374.000.000					6.856.654.000					23.854.215.000					45.297.869.000				
-	Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (3)																				7.624.850.527					6.136.685.764					5.499.926.000					4.545.718.679					23.807.180.970				
-	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển VN - CN Đồng Tháp (4)																				1.808.361.000					1.518.400.000					1.518.400.000					2.921.800.000					7.766.961.000				
Cộng																					25.646.211.527					24.029.085.764					17.068.944.000					31.321.733.679					98.065.974.970				

~~PHỤ LỤC~~

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau:

STT	Hợp đồng	Dự án	Đư nợ vay 31/12/2025	Thời hạn vay theo IID	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
1	- HĐ số 01/2013/HDODA-NHIPTVN ngày 09/04/2013	Hệ thống CN TXHN 10.000m3/ngđ (Vay VDB - Ngân hàng Phát triển Việt Nam)	21.193.964.000	15 năm	0,3%/năm	Toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư là công trình dự án hệ thống cấp nước thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.
2	- HĐ số 14/2022/HĐTD-ĐTPT ngày 17/11/2022 -HĐ thế chấp số 14/2022/HĐTCTSGLVĐ-QĐTPT	Tuyến ống D168 đường ĐT852 từ Cầu Tân Dương-chợ Ông Hộ (thời hạn vay 12 năm, HĐ vay 1.160.000.000đ), xã Tân Dương, Huyện Lai Vung	547.409.000	12 năm	6,5%/năm	Quyền sử dụng đất gắn liền với đất công trình trụ sở làm việc
3	- HĐ số 16/2022/HĐTD-ĐTPT ngày 17/11/2022 -HĐ thế chấp số 16.1/2021/HĐTCTSHTTTL-QĐTPT	Xây dựng trạm bơm tăng áp Tân Việt Hòa-P6-TP,CL, Gói thầu 4: Cung cấp, lắp đặt bể chứa nước sạch 1000m3. (thời hạn vay 12 năm, HĐ vay: 2.440.000.000đ)	813.000.000	12 năm	6,5%/năm	Dự án máy bơm Tân Việt Hòa
4	- HĐ vay số 02/2020/HĐTD-QĐTPT ngày 03/6/2020 - HĐ thế chấp số 02.1/2020/HĐTCTSGLVĐ-QĐPT ngày 03/6/2020 - HĐ thế chấp số 02.2/2020/HĐTCTSGLVĐ-QĐPT ngày 03/6/2020 - HĐ thế chấp số 02.3/2020/HĐTCTSGLVĐ-QĐPT ngày 03/6/2020 - HĐ thế chấp số 02.4/2022/HĐTCTSGLVĐ-QĐTPT ngày 08/12/2022 - HĐ thế chấp số 02.5/2022/HĐTCTSGLVĐ-QĐPT ngày 05/11/2022 - HĐ thế chấp số 02.6/2022/HĐTCTSGLVĐ-QĐPT ngày 05/11/2022 - HĐ thế chấp số 02.6/2022/HĐTCTSGLVĐ-QĐPT ngày 05/11/2022	Mua lại Nhà máy nước mặt Đồng Bình	14.372.000.000	15 năm	6%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm của Dự án mua lại và phần còn lại của Công ty đã đầu tư trong khuôn viên Nhà máy nước mặt Đồng Bình
5	- HĐ vay số 01/2021/HĐTD-QĐTPT ngày 20/4/2021 - HĐ sửa đổi, bổ sung 01.1/2021/HĐSĐBSHĐTD-QĐTPT ngày 24/6/2021 - HĐ thế chấp số 01.1/2021/HĐTCTSGLVĐ-QĐPT ngày 20/4/2021 - HĐ thế chấp số 01.2/2021/HĐTCTSGLVĐ-QĐPT ngày 20/4/2021	Mua sắm 02 ép rác (6 tấn/xe) x2	1.828.500.000	7 năm	6%/năm	- Xe ép rác hiệu HINO - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Văn phòng làm việc chi nhánh số 01 (Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền), tọa lạc tại Phường 1, TP Sa Đéc
6	- HĐ vay số 01/2020/HĐTD-QĐTPT ngày 25/5/2020 - HĐ thế chấp TS số 01.1/2020/HĐTCTSGLVĐ-QĐPT ngày 25/5/2020 - HĐ thế chấp TS số 01.2/2020/HĐTCTSGLVĐ-QĐPT ngày 25/5/2020	Thanh toán chi phí đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, công suất 3.000 m3/ngày đêm (Hạng mục: Gói 5 và Gói 6)	3.678.158.000	10 năm	6%/năm	Quyền khai thác của Dự án Hệ thống cấp nước thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, công suất 3.000 m3/ngày đêm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau:

STT	Hợp đồng	Dự án	Đư nợ vay 31/12/2025	Thời hạn vay theo IID	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
7	- HD vay số 03/2021/HĐTD-QĐTPT ngày 11/8/2021 - HD sửa đổi, bổ sung 01.1/2021/HĐSĐBSHĐTD-QĐTPT ngày 24/6/2021 - HD thế chấp TS số 01.1/2021/HĐTCTS-QĐPT ngày 20/4/2021 - HD thế chấp TS số 01.2/2021/HĐTCTSGLVD-QĐPT ngày 20/4/2021	Tuyển ống Nhà máy nước Nha Mán 2 đến chợ Phú Long	927.500.000	13 năm	6,5%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Văn phòng làm việc chỉ nhánh số 01 (Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền), tọa lạc tại Phường 1, TP Sa Đéc.
8	- HD vay số 04/2021/HĐTD-QĐTPT ngày 11/8/2021 - HD sửa đổi, bổ sung 01.1/2021/HĐSĐBSHĐTD-QĐTPT ngày 24/6/2021 - HD thế chấp TS số 01.1/2021/HĐTCTS-QĐPT ngày 20/4/2021 - HD thế chấp TS số 01.2/2021/HĐTCTSGLVD-QĐPT ngày 20/4/2021	Tuyển ống từ Cầu Trại Quán đến UBND xã Tân Phú Trung	533.375.000	13 năm	6,5%/năm	
9	- HD vay số 01/2022/HĐTD-QĐTPT ngày 17/02/2022 - HD thế chấp TS số 01/2022/HĐTCTSGLVD-QĐPT ngày 17/02/2022	Cải tạo, nâng công suất Nhà máy nước mặt thị trấn Mỹ An	809.454.000	10 năm	6%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Nhà máy nước Khu công nghiệp - C, TP Sa Đéc.
10	- HD vay số 02/2022/HĐTD-QĐTPT ngày 30/03/2022 - HD thế chấp số 02/2022/HĐTCTSHTTL-QĐTPT ngày 30/03/2022 - HD sửa đổi bổ sung số 02.1/2021/HĐTCTSBS HĐTCTSGLVD-QĐTPT ngày 06/04/2022	Cải tạo, nâng công suất Nhà máy nước mặt huyện Cao Lãnh	456.200.000	8 năm	6%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Nhà máy nước Khu công nghiệp - C, TP Sa Đéc.
11	- Hợp đồng vay số 04/2022/HĐTD-QĐTPT ngày 11/07/2022	Mua 2 xe ép rác (4,3 tấn/xe)	1.064.000.000	7 năm	6%/năm	- Xe ép rác hiệu HINO - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Văn phòng làm việc chỉ nhánh số 01 (Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền), tọa lạc tại Phường 1, TP Sa Đéc.
12	- HD vay số 08/2022/HĐTD-QĐTPT ngày 04/10/2022	Cải tạo nâng công suất nhà máy nước Thanh Bình	917.300.000	12 năm	6,5%/năm	- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Nhà máy nước Khu công nghiệp - C, TP Sa Đéc - Tài sản bình thành trong tương lai

11/3/25 11/3/25

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01, đường Tôn Đức Thắng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau:

STT	Hợp đồng	Dự án	Đư nợ vay 31/12/2025	Thời hạn vay theo IID	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
13	- HD vay số 09/2022/HĐTD-QĐTPT ngày 04/10/2022	Cải tạo nhà máy nước mặt Mương Điều	266.000.000	7 năm	6%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm trong khuôn viên Nhà máy nước Khu công nghiệp - C, TP Sa Đéc.
14	- HD vay số 10/2022/HĐTD-QĐTPT ngày 04/10/2022	Công trình tuyển ống nước HDPE OD315 từ nhà máy Bình Thành - thị xã Lấp Vò	1.185.000.000	12 năm	6,5%/năm	
15	- HD vay số 11/2022/HĐTD-QĐTPT ngày 11/11/2022	Dự án Tuyển ống D168 đường HL An Hòa- Hòa Bình từ QL30 đến cuối tuyến dẫn cư ấp 4 xã An Hòa	967.000.000	12 năm	6,5%/năm	
16	- Hợp đồng vay số 12/2022/HĐTD-QĐTPT ngày 11/11/2022	Dự án tuyển ống Ø168 đường 844 từ thị trấn Tràm Chim đến trung tâm xã Phú Thọ	995.110.000	12 năm	6,5%/năm	
17	- HD vay số 01/2023/HĐTD-QĐTPT ngày 15/06/2023	Cải tạo, nâng công suất NMN An Long-xã An Long-H.Tam Nông. Gói thầu 7: cung cấp lắp đặt cụm xử lý, es:2.500m3/ngđ (thời hạn vay 12 năm, HD vay: 4.613.000.000đ)	1.140.500.000	69 tháng	6,5%/năm	-Thế chấp tài sản gắn liền với đất: Trụ sở công ty.
18	- HD vay theo hạn mức số 20/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 25/3/2021 - HD thế chấp TS số 16/2020/VCB-ĐT-CRC ngày 19/6/2020	Thanh toán tiền mua xe ô tô xe ép ô tô Innova 66S-145.71	28.500.000	5 năm	7,9%/năm	- Xe Ô tô Innova - Số dư tiền gửi có kỳ hạn và Giá trị hàng hóa
19	-HD vay số 12/2023/VCB.DT-CRC	Vay thanh toán tiền mua xe rác theo HD số 83/2022/HĐKT ngày 11/11/2022	454.500.000	5 năm	7,9%/năm	-Thế chấp xe Ô tô
20	- HD vay số 38/2023/VCB-ĐT-CRC ngày 18/07/2023	Vay thanh toán tiền mua Hệ thống cấp	770.000.000	69 tháng	7,9%/năm	-Thế chấp xe Ô tô theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 55/2020/VCB.ĐT-CRC, số 19/2020/VCB.ĐT-CRC và 12/2023/VCB.ĐT-CRC. -Hệ thống trạm cấp nước - Và giá trị hàng hóa.
21	- HD vay số 38/2023/VCB-ĐT-CRC ngày 18/07/2023	Vay thanh toán tiền mua 7 máy bơm (2 máy bơm nước thải HD số 12.12/HĐKT/2022/DWS-DPK ngày 12/12/2022+4 máy bơm nước thô-HD số 236/HĐKT/2023/DWS-DPK ngày 23/06/2023+1 máy bơm nước thải, HD số 317/HĐKT/2023/DWS-DPK ngày 31/07/2023)	495.000.000	69 tháng	7,9%/năm	
22	- HD vay số 38/2023/VCB-ĐT-CRC ngày 18/07/2023	Vay VCB mua bơm ly tâm trục ngang theo HD số 31.08/HĐKT/2023/DWS-KT ngày 31/08/2023 VÀ HD 14.09/HĐKT/2023/DWS-SP ngày 20/09/2023	398.991.360	69 tháng	7,9%/năm	
23	- HD vay số 38/2023/VCB-ĐT-CRC ngày 18/07/2023	Vay VCB mua 2 xe rác hiệu Hino, HDDKT số 03-10/2023/HĐKT ngày 09/10/2023 của Công ty CPVTTCN Đức Long	1.797.600.000	69 tháng	7,9%/năm	

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau:

STT	Hợp đồng	Dự án	Dư nợ vay 31/12/2025	Thời hạn vay theo HDD	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
24	- HĐ vay số 31/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 01/06/2021	Thanh toán tiền mua TCN Bắc Trang	31.891.400	5 năm	7,9%/năm	- Số dư tiền gửi có kỳ hạn
25	- HĐ vay số 32/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 01/6/2021	Phú Hiệp & TDC Mười Tài Xã Phú	142.271.875	5 năm	7,9%/năm	- Giá trị hàng hóa
	- HĐ thế chấp TS số 26/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 14/5/2021	Cường H. Tam Nông - TBST + TCN ấp Hậu Thành, Xã Tân Dương. H. Lai Vung - NST				
26	- HĐ vay số 40/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 14/7/2021	Thanh toán tiền mua hệ thống cấp nước	53.995.400	5 năm	7,9%/năm	
	- HĐ thế chấp TS số 26/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 14/5/2021	của Trạm cấp nước Khóm 4, TT Trâm Chim, huyện Tam Nông - TBST				
27	- HĐ vay số 41/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 16/7/2021	Thanh toán tiền mua hệ thống cấp nước	160.679.500	5 năm	7,9%/năm	
	- HĐ thế chấp TS số 26/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 14/5/2021	của Trạm cấp nước Ấp Thông Nhất 1 + Trạm cấp nước Tân Phú - TBST				
28	- HĐ vay số 72/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 22/11/2021	Thanh toán tiền mua hệ thống cấp nước	446.317.712	5 năm	7,9%/năm	- Số dư tiền gửi có kỳ hạn
29	- HĐ vay số 06/2022/VCB-ĐT-CRC NGÀY 17/01/2022	Thanh toán tiền mua hệ thống cấp nước	93.040.000	5 năm	7,9%/năm	- Giá trị hàng hóa
	- HĐ thế chấp TS số 26/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 14/5/2021	Trung tâm chợ xã Mỹ Hòa (ấp 1), huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp				
30	- HĐ vay số 09/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 26/01/2022	Thanh toán tiền mua Trạm cấp nước	343.029.424	5 năm	7,9%/năm	
	- HĐ thế chấp TS số 26/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 14/5/2021	Khánh Mỹ A, huyện Lấp Vò và Trạm cấp nước Phú Thọ B, huyện Tam Nông				
31	- HĐ vay số 29/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 26/01/2022	Vay thanh toán tiền mua Trạm cấp	125.887.040	5 năm	7,9%/năm	
	- HĐ thế chấp TS số 26/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 14/5/2021	nước Ấp 2 Xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười				
32	- HĐ vay số 41/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 16/06/2022	Vay thanh toán tiền mua Trạm cấp	225.449.700	5 năm	7,9%/năm	
		nước Ấp Tân Hòa B và Trạm cấp nước Cụm dân cư 2/9 ấp Tân Thuận B, huyện Thanh Bình				
33	- HĐ vay số 52/2022/VCB-ĐT-CRC ngày 19/07/2022	-Hệ thống cấp nước 2 trạm (Tân Thuận A và Tân Thuận B) -Hệ thống trạm cấp nước CDC chợ Gò Bói	403.304.960	5 năm	7,9%/năm	
34	- HĐ tín dụng số 01/2021/9996021/HĐTD ngày 14/07/2021	Vay thanh toán tiền mua lại các trạm	289.961.000	5 năm	9,5%/năm	Toàn bộ hệ thống cấp nước của các trạm được mua lại.
	- HĐ thế chấp TS số 01/2021/9996021/HĐBD ngày 13/7/2021	cấp nước nông thôn của hộ kinh doanh Nguyễn Viết Tuấn				

110 / 110

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau:

STT	Hợp đồng	Dự án	Dư nợ vay 31/12/2025	Thời hạn vay theo HDD	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
35	- HĐ vay số 08/2023/HĐTD-QĐTPT ngày 08/12/2023	Tuyến ống @220 đường ĐT 848 từ trạm cấp nước Mương Điều-ấp Tân Trong, xã Tân Khánh Trung-H.L.ấp Vò (thời hạn vay 12 năm-HĐ 3,5 ý)	2.916.000.000	12 năm	6,5%/năm	Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 23/2024/VCB.T-CRC ngày 15/03/2024
36	- HĐ vay số 15/2022/HĐTD-QĐTPT ngày 17/11/2022	Tuyến ống @168+@220 Từ trạm cấp nước Tân Việt Hòa-UBND xã Tịnh Thới-TP.Cao Lãnh (Thời hạn vay 12 năm, HĐ vay là 2.024.000.000đ)	1.164.000.000	12 năm	6,5%/năm	TS hình thành khi đầu tư tuyến ống
37	- HĐ vay số 01/2024/HĐTD-QĐTPT ngày 23/02/2024	Mua sắm 2 xe ép rác (2024) tại trạm 6 tân/xé	2.061.000.000	7 năm	6%/năm	Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01.2/202/HĐTCTSLVD- QĐTPT ngày 26/02/2024
38	- HĐ vay số 13/2022/HĐTD-QĐTPT ngày 17/11/2022	Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Khánh Mỹ	3.920.000.000	13 năm	6,5%/năm	Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất -hừa đất số 319 -tờ bản đồ số 57.Giấy chứng nhận số CT06983 cấp ngày/10/2018 cấp nhật ngày 12/9/2022
39	- HĐ vay số 02/2024/VCB-ĐT-CRC ngày 04/01/2024	Vay VCB TT tiền mua vật tư, thiết bị Cty (mua sắm máy bơm, bể nước, bồn lọc...)	1.620.000.000	6 năm	7,9%/năm	Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 23/2024/VCB.T-CRC ngày 15/03/2024
	- GNN SỐ 01 05/01/2024 là 2.700.000.000 đ	Vay VCB TT tiền mua sắm TSCĐ (máy bơm, trạm cấp nước...)	915.612.560	6 năm	7,9%/năm	Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 23/2024/VCB.T-CRC ngày 15/03/2024
40	- HĐ vay số 02/2024/VCB-ĐT-CRC ngày 04/01/2024	Vay VCB TT tiền mua sắm TSCĐ (mua bể lọc, bể lắng, bơm chìm)	1.248.465.599	5 năm	7,9%/năm	Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 23/2024/VCB.T-CRC ngày 15/03/2024
	- GNN SỐ 01: 01/02/2024 là 1.407.712.560 đ	Vay VCB TT tiền mua sắm TSCĐ (mua bể lọc, bể lắng, bơm chìm)	1.461.021.240	5 năm	7,9%/năm	Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 44/2024/VCB.ĐT-CRC ngày 15/07/2024
41	- HĐ vay số 02/2024/VCB-ĐT-CRC ngày 04/01/2024	Vay VCB TT tiền mua sắm TSCĐ (mua bể lọc, bể lắng, bơm chìm)	2.025.000.000	5 năm	7,9%/năm	Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 80/2024/VCB.ĐT-CRC ngày 28/11/2024
	- GNN SỐ 01: 15/03/2024 là 1.920.465.599 đ	Vay VCB TT tiền mua sắm TSCĐ (mua các trạm cấp nước trên địa bàn tỉnh)				
42	- HĐ vay số 02/2024/VCB-ĐT-CRC ngày 04/01/2024	Vay VCB TT tiền mua sắm TSCĐ (mua bể lọc, bể lắng, bơm chìm)				
43	- HĐ vay số 01/2024/VCB-ĐT-CRC ngày 28/11/2024	Vay VCB TT tiền mua sắm TSCĐ (mua các trạm cấp nước trên địa bàn tỉnh)				

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau:

STT	Hợp đồng	Dự án	Dư nợ vay 31/12/2025	Thời hạn vay theo HĐ	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
44	- HD vay số 07/2022/HĐTD-QĐTPT ngày 04/10/2022	Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Mỹ Hiệp-Huyện Cao Lãnh-tỉnh Đồng Tháp	2.392.000.000	13 năm	6,5%/năm	- Các tài sản hình thành trong tương lai của dự án Dự án Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước mặt Mỹ Hiệp theo Quyết định số 513A/QĐ-CN&MTPT ngày 15/12/2021 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật tọa lạc tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 10, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. - Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: số vào sổ cấp GCN: CT06380, số bia CH481811 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 25/12/2017.
45	-Hợp đồng tín dụng số 02/2024/HĐTD-QĐTPT; Ngày 05/11/2024 - Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: 01.2/202/HĐTCTSLVD-QĐTPT; Ngày 26/02/2024	Cải tạo, nâng công suất Nhà máy nước mặt Tân Phú Trung	2.344.363.000	12 năm	6,5%/năm	- Hợp đồng thế chấp TS gắn liền với đất Số: 01.02/202/HĐTCTSLVD - QĐTPT ngày 26/02/2024
46	- HD vay số 84/2024/VCB-ĐT-CRC ngày 28/11/2024 - GNN SỐ 01: 05/12/2024 là 1.926.890.000 đ	Vay VCB TT tiền mua sắm TSCĐ (mua các trạm cấp nước trên địa bàn tỉnh)	1.542.890.000	5 năm	7,9%/năm	- TCN kênh 25, khóm 3, TT Mỹ An, HTM, tỉnh Đồng Tháp; - TCN CDC UBND xã Mỹ An, HTM, tỉnh Đồng Tháp; - TCN ấp 3, xã Mỹ Hiệp, HCL, tỉnh Đồng Tháp; - TCN CDC Cà Nố, xã Phú Thành B, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp
47	- HD vay số 01/2024/VCB-ĐT-CRC ngày 28/11/2024	Vay VCB TT tiền mua sắm TSCĐ (mua các trạm cấp nước trên địa bàn tỉnh)	827.627.000	5 năm	7,9%/năm	- 02 Máy tạo khí Ozone; - TCN ấp 2, ấp 3 xã Láng Biển, HTM; - 03 Máy bơm nước

11 ± 1 202 10 11

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau:

STT	Hợp đồng	Dự án	Dư nợ vay 31/12/2025	Thời hạn vay theo HĐ	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
48	- HD vay số 18/2025/VCB.ĐT-CRC ngày 19/02/2025	Vay VCB TT tiền mua sắm TSCĐ (mua xe tải, xe rác phục vụ cho hoạt động SXKD)	2.793.100.000	5 năm	7,9%/năm	- Xe ô tô chở rác theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 66.002855 - ISUZU FVR FVR34LE4A, Biển kiểm soát: 66A-295.42; - Xe ô tô chở rác theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 66.002853 - ISUZU QKR, Biển kiểm soát: 66B-014.13; - Xe tải tự đổ theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 66.002852 - ISUZU NQR NQR75HE5/, Biển kiểm soát: 66A-295.19
49	- HD cho vay từng lần trung hạn số 74/2025/VCB.ĐT-CRC ngày 22/08/2025 - Giấy nhận nợ số: 01 ngày 29/08/2025	Thanh toán/bù đắp chi phí chuyển nhượng TCN, phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty	1.003.376.200	5 năm	7,9%/năm	- TCN ấp Phú Lâm, xã Phú Thành B, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp; - Máy bơm chìm nước thô 15kw, 22kw, 37kw
50	- HD cho vay từng lần trung hạn số 100/2025/VCB.ĐT-CRC ngày 27/10/2025 - Giấy nhận nợ số: 01 ngày 04/11/2025 - Giấy nhận nợ số: 02 ngày 06/11/2025 - Giấy nhận nợ số: 03 ngày 04/12/2025	Thanh toán/bù đắp chi phí chuyển nhượng TCN, phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty ĐBST	1.385.510.000	5 năm	7,9%/năm	- TCN ấp Mỹ nam 2, xã Mỹ Quí, tỉnh Đồng Tháp; - TCN ấp Mỹ Tây 1 - Mỹ Tây 3, xã Mỹ Quí, tỉnh Đồng Tháp; - TCN CDC Nhà Hay, xã Phong Mỹ, tỉnh Đồng Tháp
51	- HD cho vay từng lần trung hạn số 101/2025/VCB.ĐT-CRC ngày 06/11/2025 - Giấy nhận nợ số: 01 ngày 06/11/2025 - Giấy nhận nợ số: 02 ngày 04/12/2025	Thanh toán chi phí chuyển nhượng TCN, máy phát điện (NMN mặt Mỹ An) phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty ĐBST	1.888.380.000	5 năm	7,9%/năm	- TCN ấp 3 - ấp 6, Xã Bình Hàng Trung, tỉnh Đồng Tháp; - TCN CDC Kinh Hội kỳ 1, xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp; - TCN ấp Mỹ Tây 1, xã Mỹ Quí, tỉnh Đồng Tháp; - Máy phát điện Lega Power.
52	- HD tín dụng số 01/2025/9996021/HĐTD - HD thế chấp TS số 01/2021/9996021/HĐBĐ	Thanh toán tiền mua 02 xe ép rác theo Hợp đồng kinh tế số 03-05/2025/HDKT ngày 20/05/2025 (4,5 tấn) của Liên danh ITB-DUL (Cty ô tô Tây Bắc Sài Gòn - Cty CP Vận Tải Thương Mại Xây Dựng Công Nghiệp Đức Long	2.185.000.000	5 năm	7%/năm	- Xe ô tô chở rác hiệu ISUZU; BS 66A-457.17 màu trắng - Xe ô tô chở rác hiệu ISUZU; BS 66A-457.42 màu trắng

11 ± 1 202 10 11

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau:

STT	Hợp đồng	Dự án	Dư nợ vay 31/12/2025	Thời hạn vay theo HĐ	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
53	- HĐ cho vay từng lần trung hạn số 117/2025/VCB.DT-CRC ngày 15/12/2025 - Giấy nhận nợ số: 01 ngày 19/12/2025	Thanh toán chi phí chuyển nhượng 02 TCN phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty DBST +TCN Ấp Mỹ Tây 3, xã Mỹ Quý, tỉnh Đồng Tháp theo HD số: 16/HĐKT/2025 ngày 08/09/2025; + TCN Ấp 4, kênh Phước Xuyên, xã Trương Xuân, tỉnh Đồng Tháp theo HĐ số: 21/HĐKT/2025 ngày 08/09/2025;	1.125.740.000	5 năm	8,5%/năm	- TCN khóm 13, phường Mỹ Ngãi; - TCN ấp Mỹ Tây 3, xã Mỹ Quý; - TCN ấp 4, kênh Phước Xuyên, xã Trương Xuân
54	- HĐ tín dụng số 02/2025/9996021/HĐTD - HĐ thế chấp TS số 02/2025/9996021/HĐBĐ	Thanh toán tiền mua 05 xe ép rác (02 xe ép rác 4,5 tấn/xe và 03 xe ép rác 3 tấn/xe), theo Hợp đồng kinh tế số 11/2025/HĐKT ngày 31/07/2025 của Cty CP Vận Tải Thương Mại Xây Dựng Công Nghiệp Đức Long	5.292.000.000	5 năm	7%/năm	- Xe ô tô chở rác hiệu ISUZU; BS 66A-475.59 màu trắng - Xe ô tô chở rác hiệu ISUZU; BS 66A-466.96 màu trắng - Xe ô tô chở rác hiệu ISUZU; BS 66A-292.38 màu trắng - Xe ô tô chở rác hiệu ISUZU; BS 66A-480.85 màu trắng - Xe ô tô chở rác hiệu ISUZU; BS 66A-477.03 màu trắng
Tổng			98.065.974.970			

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
UBND tỉnh Đồng Tháp	85,60%	221.854.800.000	85,60%	221.854.800.000
Cổ đông khác	14,40%	37.326.500.000	14,40%	37.326.500.000
Cộng	100%	259.181.300.000	100%	259.181.300.000

21.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	259.181.300.000	259.181.300.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	259.181.300.000	259.181.300.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.846.784.500	15.550.878.000

21.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2025 Cổ phiếu	Tại 01/01/2025 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	25.918.130	25.918.130
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu thường	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu thường	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)
21.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2024	259.181.300.000	48.147.515.644	43.114.829.633	350.443.645.277		
- Lợi nhuận trong năm	-	-	49.435.459.996	49.435.459.996		
- Phân phối lợi nhuận năm	-	12.934.448.890	(43.114.829.633)	(30.180.380.743)		
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	12.934.448.890	(12.934.448.890)	-		
+ Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	(14.629.502.743)	(14.629.502.743)		
+ Chia cổ tức	-	-	(15.550.878.000)	(15.550.878.000)		
Tại 31/12/2024	259.181.300.000	61.081.964.534	49.435.459.996	369.698.724.530		
Tại 01/01/2025	259.181.300.000	61.081.964.534	49.435.459.996	369.698.724.530		
- Lợi nhuận trong năm	-	-	51.215.440.757	51.215.440.757		
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	14.830.637.999	(49.435.459.996)	(34.604.821.997)		
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	14.830.637.999	(14.830.637.999)	-		
+ Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	(17.758.037.497)	(17.758.037.497)		
+ Chia cổ tức	-	-	(16.846.784.500)	(16.846.784.500)		
Tại 31/12/2025	259.181.300.000	75.912.602.533	51.215.440.757	386.309.343.290		

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 11/NQ-ĐHĐCD ngày 10/06/2025, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2024 chi tiết như trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. DOANH THU BÁN HÀNG, CUNG CẤP DỊCH VỤ VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Doanh thu	476.172.039.315	488.990.923.551
- Doanh thu bán hàng hóa	2.941.793.129	3.103.204.352
- Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	345.398.731.117	362.490.718.699
- Doanh thu nước đóng chai	11.738.183.858	13.040.604.107
- Doanh thu xây lắp	7.739.155.351	16.536.025.394
- Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác	99.781.825.858	84.806.427.704
- Doanh thu dịch vụ khác	8.572.350.002	9.013.943.295
Doanh thu với các bên liên quan	-	-
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	112.110.185	183.408.460
- Chiết khấu thương mại hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác và hoạt động xây lắp	112.110.185	183.408.460

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán hàng hóa	2.066.549.283	2.614.732.950
Giá vốn cung cấp nước sinh hoạt	211.070.062.347	236.416.705.728
Giá vốn nước đóng chai	8.887.861.690	10.383.588.176
Giá vốn xây lắp	5.473.345.097	11.788.573.226
Giá vốn dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác	90.375.617.962	72.120.452.539
Giá vốn dịch vụ khác	5.456.923.745	5.874.003.275
Cộng	323.330.360.124	339.198.055.894

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	853.077.826	731.930.553
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.000.000	20.000.000
Cộng	873.077.826	751.930.553

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	5.363.277.870	6.686.943.596
Cộng	5.363.277.870	6.686.943.596

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí bán hàng	49.196.369.496	37.003.679.085
- Chi phí nhân viên bán hàng	9.964.338.987	659.667.884
- Chi phí vật liệu, bao bì	17.778.174.626	13.387.830.956
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	973.304.260	199.358.108
- Chi phí khấu hao TSCĐ	18.090.192.161	18.298.899.560
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.436.213.995	1.914.864.116
- Chi phí bằng tiền khác	954.145.467	2.543.058.461
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.390.028.713	49.264.436.800
- Chi phí nhân viên quản lý	31.443.059.867	25.969.477.590
- Chi phí đồ dùng văn phòng	651.729.490	1.047.503.600
- Chi phí khấu hao TSCĐ	429.787.741	473.573.354
- Thuế, phí và lệ phí	959.735.691	971.395.820
- Chi phí trích lập dự phòng	1.136.675.933	3.024.038.578
- Trích quỹ khoa học công nghệ	-	4.100.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	392.034.807	567.250.438
- Chi phí bằng tiền khác	9.377.005.184	13.111.197.420

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Thu nhập từ phí nước thải sinh hoạt giữ lại	1.907.298.288	1.922.487.953
- Hoàn nhập chi phí bảo hành	749.857.926	-
- Thu tiền bán phế liệu	22.669.091	175.513.636
- Thu nhập từ điều chỉnh nguyên giá tài sản	599.791.800	-
- Thu từ vi phạm hợp đồng	61.344.516	8.752.680
- Xử lý công nợ tồn đọng	1.575.797.275	731.431.985
- Thu nhập từ thanh lý nhượng bán vật tư, công cụ, hàng hoá	123.573.042	-
- Thu nhập khác	166.270.776	355.924.127
Cộng	5.206.602.714	3.194.110.381

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí tiền điện	-	190.067.650
Chi phí thanh lý tài sản cố định	805.401.373	3.766.796.645
Tiền phạt chậm nộp thuế	7.796.037	428.661.196
Xử lý công nợ tồn đọng	763.929.934	134.000.000
Hỗ trợ kinh phí	2.000.000	177.000.000
Chi phí khác	240.839.285	490.065.000
Cộng	1.819.966.629	5.186.590.491

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân công	183.505.576.032	163.467.870.747
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.805.104.775	112.591.225.737
Chi phí công cụ dụng cụ	6.650.700.890	6.959.094.777
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.752.860.185	61.332.812.868
Thuế, phí và lệ phí	959.735.691	971.395.820
Chi phí dự phòng	1.322.196.224	3.024.038.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.472.364.293	11.587.866.575
Chi phí bằng tiền khác	46.930.286.671	50.887.421.232
Cộng	415.398.824.761	410.821.726.334

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	58.039.606.838	55.413.850.159
Các khoản điều chỉnh tăng	1.119.407.704	653.799.681
- Chi phí không được trừ	50.094.580	653.799.681
- Chi phí bồi thường	200.000.000	-
- Chi phí khấu hao ngừng hoạt động	869.313.124	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(20.000.000)	(20.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(20.000.000)	(20.000.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	59.139.014.542	56.047.649.840
Trong đó:		
- Thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác	50.036.368.272	52.311.398.050
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	9.102.646.270	3.736.251.790
Thuế suất thuế TNDN		
- Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	10%	10%
- Thuế suất hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi thuế	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	6.824.166.081	5.978.390.163

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	51.215.440.757	49.435.459.996
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(18.744.851.317)	(17.758.037.497)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	25.918.130	25.918.130
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.253	1.222

(*) Căn cứ phương án phân phối lợi nhuận được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/06/2025, tỷ lệ trích các quỹ này lần lượt là 34,84% và 1,08%. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Ngoài ra, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý Công ty chuyên trách cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được tạm tính theo tỷ lệ là 36,60% lợi nhuận sau thuế trong năm, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/06/2025.

32. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, lãi suy giảm được xác định bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01, đường Tôn Đức Thắng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm 2025	Cung cấp nước		Thu gom, vận chuyển và xử lý rác		Bán nước đóng chai và vật tư		Xây lắp		Dịch vụ khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	345.398.731.117		99.669.715.673		14.679.976.987		7.739.155.351		8.572.350.002		476.059.929.130	
Giá vốn bộ phận	(211.070.062.347)		(90.375.617.962)		(10.954.410.973)		(5.473.345.097)		(5.456.923.745)		(323.330.360.124)	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	134.328.668.770		9.294.097.711		3.725.566.014		2.265.810.254		3.115.426.257		152.729.569.006	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận											(93.586.398.209)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh											59.143.170.797	
Doanh thu hoạt động tài chính											873.077.826	
Chi phí tài chính											(5.363.277.870)	
Thu nhập khác											5.206.602.714	
Chi phí khác											(1.819.966.629)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành											(6.824.166.081)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp											51.215.440.757	
Tổng Tài sản											1.071.160.435.734	
Tổng Nợ phải trả											684.851.092.444	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp):

Năm 2024	Cung cấp nước sinh hoạt	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác	Bán nước đóng chai và vật tư	Xây lắp	Dịch vụ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	362.490.718.699	84.623.019.244	16.143.808.459	16.536.025.394	9.013.943.295	488.807.515.091
Giá vốn bộ phận	(236.416.705.728)	(72.120.452.539)	(12.998.321.126)	(11.788.573.226)	(5.874.003.275)	(339.198.055.894)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	126.074.012.971	12.502.566.705	3.145.487.333	4.747.452.168	3.139.940.020	149.609.459.197
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(86.268.115.885)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						63.341.343.312
Doanh thu hoạt động tài chính						751.930.553
Chi phí tài chính						(6.686.943.596)
Thu nhập khác						3.194.110.381
Chi phí khác						(5.186.590.491)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(5.978.390.163)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						49.435.459.996
Tổng Tài sản						1.065.045.931.731
Tổng Nợ phải trả						695.347.207.201

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01, đường Tôn Đức Thắng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập từ tiền lương, thưởng, phụ cấp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty		4.425.424.203	4.290.653.095
- Ông Nguyễn Văn Cà	Chủ tịch HĐQT - bổ nhiệm ngày 01/07/2024	821.069.271	260.348.387
- Ông Nguyễn Văn Đễ	Chủ tịch HĐQT - miễn nhiệm ngày 30/06/2024	-	469.960.870
- Ông Đinh Công Phú	Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT - bổ nhiệm ngày 01/07/2024	754.627.363	239.019.355
- Ông Trần Văn Tấn	Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT - miễn nhiệm ngày 30/06/2024	-	429.839.130
- Ông Bùi Tân Cương	Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT - bổ nhiệm ngày 01/07/2024	686.871.579	217.390.323
- Ông Nguyễn Thượng Vũ	Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT - miễn nhiệm ngày 30/06/2024	-	393.717.391
- Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT - miễn nhiệm ngày 30/06/2024	-	393.717.391
- Bà Lý Thu Cúc	Trưởng Ban Kiểm soát - bổ nhiệm ngày 01/07/2024	715.471.513	245.266.814
- Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban Kiểm soát - miễn nhiệm ngày 30/06/2024	-	352.495.652
- Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	303.535.627	283.565.492
- Bà Đinh Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	330.439.861	313.740.361
- Ông Hoàng Quốc Hưng	Kế toán trưởng	813.408.989	691.591.929
Thù lao của Ban Kiểm soát		132.000.000	120.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	66.000.000	60.000.000
- Bà Đinh Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	66.000.000	60.000.000
Cộng		4.557.424.203	4.410.653.095

35. CÁC THÔNG TIN KHÁC

35.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Hợp đồng thuê đất số 6460HĐ/TĐ ngày 11/11/2025 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích 4.227,2 m², đơn giá thuê đất ổn định kể từ ngày 31/12/2024 đến ngày 31/12/2029 là 1.536.000 đồng/m²/năm (vị trí 1, diện tích 1.671 m²), 1.075.200 đồng/m²/năm (vị trí 2, diện tích 1.568 m²), 768.000 đồng/m²/năm (vị trí 3, diện tích 988,2 m²).
- Hợp đồng thuê lại đất số 71/HĐKT-XNHT ngày 07/06/2004 giữa Xí nghiệp hạ tầng khu Công nghiệp (nay là Công CP Đầu tư phát triển nhà và Khu công nghiệp Đồng Tháp) và Ban quản lý dự án cấp thoát nước và VSMT thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp) với tổng diện tích 19.436 m² và đơn giá thuê đất từ ngày 01/01/2021- 01/01/2026 là 4.000 đồng/m²/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 93HĐ/TĐ ngày 06/12/2019 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích 1.785,7 m² và đơn giá thuê đất ổn định 05 năm từ 01/01/2021 đến ngày 01/01/2026 là 81.684 đồng/m²/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 55HĐ/TĐ ngày 29/10/2020 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích 882,8 m² và đơn giá thuê đất ổn định 05 năm từ 23/06/2020 đến ngày 23/06/2025 là 117.041 đồng/m²/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 19HĐ/TĐ ngày 17/12/2019 giữa hộ Ông Trịnh Văn Cò, sinh năm 1967, địa chỉ: xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp để xây dựng nhà máy nước Phú Hựu với tổng diện tích 507 m² và thời gian thuê 20 năm, từ ngày 17/12/2019 đến ngày 17/12/2039, giá trị thuê đất 18.000.000 đồng/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 16HĐ/TĐ ngày 27/02/2018 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích 323,5 m² và đơn giá thuê đất ổn định kể từ ngày 29/9/2016 đến ngày 29/05/2042 là 3.500 đồng/m²/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 03/HĐTĐ/2021 ngày 23/03/2021 giữa Bà Liêu Tuyết Mỹ, sinh ngày 29/03/1956, địa chỉ: xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp để xây dựng nhà máy nước Vĩnh Thanh tổng diện tích 535 m² và thời gian thuê 20 năm, từ ngày 26/03/2021 đến ngày 26/03/2041, giá trị thuê đất là 564.000.000 đồng.
- Hợp đồng thuê đất số 06/HĐTĐ/2021 ngày 12/04/2021 giữa hộ ông Tổng Hoàng Ky, sinh năm 1960, địa chỉ: xã Tân Khánh Trung, tỉnh Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp để lắp đặt trạm biến áp, trạm cấp nước Muong Điều, tổng diện tích 2 m² và thời gian thuê 20 năm, từ ngày 12/04/2021 đến ngày 12/04/2041, giá trị thuê đất là 25.000.000 đồng.

35.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.4 NHỮNG SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

35.5 CÁC THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán, trong đó một số chỉ tiêu đã được trình bày lại như được nêu tại mục 31 và 32 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2024 đã kiểm toán VND/cổ phiếu	Năm 2024 trình bày lại VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.218	1.222
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.218	1.222

Tỉnh Đồng Tháp, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Dương Từ Đăng Khoa

Hoàng Quốc Hưng

Đinh Công Phũ



Ngày 17 tháng 04 năm 2026

XÁC NHẬN NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH CÔNG PHỦ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



-  Số 01, đường Tôn Đức Thắng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
-  (0277) 3853 332
-  <http://www.dowasen.com/>